

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ (“SSIAM”) đã thực hiện chuyển đổi giao diện website mới từ thời điểm tháng 08/2024. Phần Công bố thông tin hàng ngày về Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD trước thời điểm 08/2024 mà chúng tôi đã thực hiện ở giao diện website trước đây được thay thế bằng bảng dữ liệu dưới đây để Quý Nhà Đầu Tư tham khảo:

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/08/2024	623,899,111,112	2,052,299,707	20,522.99	0.44
2	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/08/2024	637,526,896,660	2,043,355,438	20,433.55	0.62
3	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/08/2024	633,623,293,492	2,030,843,889	20,308.43	2.80
4	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/08/2024	616,377,483,811	1,975,568,858	19,755.68	(0.31)
5	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/08/2024	618,300,369,699	1,981,731,954	19,817.31	(0.40)
6	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/08/2024	620,774,684,697	1,989,662,450	19,896.62	(0.34)
7	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/08/2024	622,922,495,332	1,996,546,459	19,965.46	0.97
8	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/08/2024	616,933,928,301	1,977,352,334	19,773.52	1.72
9	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/08/2024	606,500,631,131	1,943,912,279	19,439.12	(1.19)
10	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/08/2024	613,801,828,435	1,967,313,552	19,673.13	(0.60)
11	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/08/2024	617,492,429,547	1,979,142,402	19,791.42	1.64

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
12	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/08/2024	607,513,401,572	1,947,158,338	19,471.58	(3.91)
13	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/08/2024	632,225,800,951	2,026,364,746	20,263.64	1.03
14	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/08/2024	631,783,529,206	2,005,661,997	20,056.61	(2.55)
15	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/07/2024	654,500,651,864	2,058,178,150	20,581.78	0.82
16	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/07/2024	649,157,509,954	2,041,375,817	20,413.75	0.09
17	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/07/2024	642,455,632,592	2,039,541,690	20,395.41	(0.02)
18	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/07/2024	642,582,634,835	2,039,944,872	20,399.44	0.46
19	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/07/2024	637,590,394,101	2,030,542,656	20,305.42	(1.05)
20	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/07/2024	632,031,355,929	2,052,049,856	20,520.49	-
21	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/07/2024	615,613,333,342	2,052,044,444	20,520.44	(2.64)
22	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/07/2024	625,983,780,924	2,107,689,498	21,076.89	(0.25)
23	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/07/2024	648,688,179,964	2,112,990,814	21,129.90	(0.01)
24	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/07/2024	648,743,277,559	2,113,170,285	21,131.70	0.59
25	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/07/2024	676,440,196,001	2,100,745,950	21,007.45	1.08
26	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/07/2024	669,193,685,644	2,078,241,259	20,782.41	0.49

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
27	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/07/2024	665,912,781,329	2,068,052,115	20,680.52	(0.25)
28	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/07/2024	665,515,153,121	2,073,255,928	20,732.55	(0.42)
29	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/07/2024	666,220,141,455	2,081,937,942	20,819.37	(0.12)
30	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/07/2024	694,125,464,116	2,084,460,853	20,844.60	(0.71)
31	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/07/2024	699,069,180,225	2,099,306,847	20,993.06	0.81
32	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/07/2024	693,434,852,081	2,082,386,943	20,823.86	(0.33)
33	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/07/2024	695,757,482,255	2,089,361,808	20,893.61	0.37
34	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/07/2024	693,214,687,320	2,081,725,787	20,817.25	0.10
35	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/07/2024	692,493,129,259	2,079,558,946	20,795.58	0.89
36	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/07/2024	686,369,027,418	2,061,168,250	20,611.68	1.23
37	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/07/2024	678,062,059,129	2,036,222,399	20,362.22	0.38
38	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/06/2024	675,502,708,425	2,028,536,661	20,285.36	(0.83)
39	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/06/2024	681,186,699,532	2,045,605,704	20,456.05	(0.58)
40	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/06/2024	685,165,303,987	2,057,553,465	20,575.53	(0.07)
41	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/06/2024	685,646,325,154	2,058,997,973	20,589.97	0.32

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
42	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/06/2024	667,018,754,771	2,052,365,399	20,523.65	(2.60)
43	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/06/2024	678,472,678,051	2,107,058,006	21,070.58	(0.62)
44	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/06/2024	672,128,927,881	2,120,280,529	21,202.80	0.52
45	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/06/2024	708,727,494,155	2,109,308,018	21,093.08	0.35
46	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/06/2024	706,230,278,387	2,101,875,828	21,018.75	(0.56)
47	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/06/2024	707,325,460,632	2,105,135,299	21,051.35	(0.40)
48	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/06/2024	752,463,296,404	2,113,660,944	21,136.60	(1.99)
49	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/06/2024	810,911,205,014	2,156,678,736	21,566.78	0.58
50	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/06/2024	814,805,985,309	2,144,226,277	21,442.26	1.87
51	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/06/2024	799,847,128,185	2,104,860,863	21,048.60	0.11
52	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/06/2024	815,816,810,874	2,102,620,646	21,026.20	0.14
53	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/06/2024	814,681,378,786	2,099,694,275	20,996.94	-
54	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/06/2024	811,435,780,443	2,091,329,331	20,913.29	0.82
55	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/06/2024	804,843,456,254	2,074,338,804	20,743.38	(0.48)
56	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/06/2024	808,699,782,711	2,084,277,790	20,842.77	(0.11)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
57	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/06/2024	809,562,261,135	2,086,500,673	20,865.00	2.27
58	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/06/2024	791,569,674,050	2,040,128,025	20,401.28	(0.01)
59	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2024	791,610,073,195	2,040,232,147	20,402.32	(0.04)
60	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/05/2024	804,135,431,985	2,040,952,873	20,409.52	(0.67)
61	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/05/2024	832,149,894,011	2,054,691,096	20,546.91	(0.69)
62	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/05/2024	837,967,367,299	2,069,055,227	20,690.55	0.85
63	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/05/2024	839,115,240,684	2,051,626,505	20,516.26	0.21
64	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/05/2024	878,268,886,432	2,047,246,821	20,472.46	(1.31)
65	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/05/2024	889,969,652,062	2,074,521,333	20,745.21	0.73
66	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/05/2024	883,489,251,261	2,059,415,504	20,594.15	(1.31)
67	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/05/2024	895,255,338,113	2,086,842,279	20,868.42	(0.27)
68	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/05/2024	897,671,514,407	2,092,474,392	20,924.74	0.53
69	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/05/2024	892,933,466,638	2,081,429,992	20,814.29	0.38
70	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/05/2024	910,327,682,357	2,073,639,367	20,736.39	2.03
71	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/05/2024	892,231,655,089	2,032,418,348	20,324.18	0.64

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
72	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/05/2024	886,551,822,309	2,019,480,233	20,194.80	0.11
73	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/05/2024	885,558,277,513	2,017,217,033	20,172.17	(0.07)
74	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/05/2024	886,215,935,349	2,018,715,114	20,187.15	(0.26)
75	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/05/2024	888,501,210,151	2,023,920,752	20,239.20	(0.19)
76	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/05/2024	1,030,139,445,141	2,027,833,553	20,278.33	(0.22)
77	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/05/2024	1,296,603,758,641	2,032,294,292	20,322.94	(0.17)
78	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/05/2024	1,298,855,628,460	2,035,823,869	20,358.23	1.64
79	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/05/2024	1,408,033,468,113	2,002,892,557	20,028.92	-
80	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/05/2024	1,408,101,956,121	2,002,989,980	20,029.89	0.55
81	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/05/2024	1,436,236,818,598	1,992,006,683	19,920.06	(0.61)
82	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/05/2024	1,445,077,366,696	2,004,268,192	20,042.68	-
83	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/04/2024	1,445,112,475,320	2,004,316,886	20,043.16	0.14
84	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/04/2024	1,435,097,116,207	2,001,530,148	20,015.30	(0.59)
85	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/04/2024	1,443,674,774,227	2,013,493,408	20,134.93	2.37
86	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/04/2024	1,410,222,069,081	1,966,836,916	19,668.36	(0.43)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
87	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/04/2024	1,416,257,223,490	1,975,254,147	19,752.54	2.38
88	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/04/2024	1,381,406,370,481	1,929,338,506	19,293.38	(1.17)
89	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/04/2024	1,395,766,913,033	1,952,121,556	19,521.21	-
90	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/04/2024	1,395,800,902,502	1,952,169,094	19,521.69	(2.23)
91	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/04/2024	1,423,657,040,864	1,996,713,942	19,967.13	0.66
92	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/04/2024	1,422,257,566,910	1,983,622,826	19,836.22	(5.33)
93	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/04/2024	1,533,691,502,627	2,095,206,970	20,952.06	2.26
94	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/04/2024	1,551,012,745,811	2,048,893,983	20,488.93	(0.29)
95	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/04/2024	1,662,312,339,403	2,054,774,214	20,547.74	(0.50)
96	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/04/2024	1,790,527,877,489	2,065,199,397	20,651.99	1.19
97	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/04/2024	1,887,805,456,643	2,040,870,763	20,408.70	(0.24)
98	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/04/2024	2,008,944,944,736	2,045,768,782	20,457.68	(1.07)
99	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/04/2024	2,032,800,791,720	2,067,956,044	20,679.56	(0.96)
100	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/04/2024	2,056,660,128,965	2,087,979,826	20,879.79	(1.43)
101	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/04/2024	2,071,771,940,613	2,118,376,217	21,183.76	(0.57)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
102	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/04/2024	2,092,165,895,697	2,130,515,168	21,305.15	(0.41)
103	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/03/2024	2,124,378,983,872	2,139,354,465	21,393.54	(0.58)
104	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/03/2024	2,145,469,270,693	2,151,925,045	21,519.25	1.63
105	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/03/2024	2,108,870,266,996	2,117,339,625	21,173.39	(0.03)
106	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/03/2024	2,139,071,724,550	2,117,892,796	21,178.92	1.53
107	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/03/2024	2,110,922,216,718	2,085,891,518	20,858.91	(1.08)
108	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/03/2024	2,133,882,243,345	2,108,579,291	21,085.79	0.40
109	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/03/2024	2,125,356,991,309	2,100,155,129	21,001.55	1.99
110	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/03/2024	2,083,914,803,106	2,059,204,350	20,592.04	2.77
111	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/03/2024	2,047,700,436,958	2,003,620,779	20,036.20	(0.11)
112	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/03/2024	2,128,094,662,983	2,005,744,262	20,057.44	(2.05)
113	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/03/2024	2,201,278,555,276	2,047,700,981	20,477.00	0.10
114	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/03/2024	2,199,081,367,032	2,045,657,085	20,456.57	(1.14)
115	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/03/2024	2,245,149,897,805	2,069,262,578	20,692.62	2.68
116	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/03/2024	2,184,634,839,932	2,015,345,793	20,153.45	0.29

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
117	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/03/2024	2,174,351,866,537	2,009,567,344	20,095.67	(1.53)
118	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/03/2024	2,240,879,898,262	2,040,874,224	20,408.74	(2.29)
119	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/03/2024	2,293,361,718,157	2,088,671,874	20,886.71	0.14
120	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/03/2024	2,290,092,137,491	2,085,694,114	20,856.94	(0.73)
121	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/03/2024	2,307,046,282,837	2,101,135,048	21,011.35	0.67
122	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/03/2024	2,291,732,784,969	2,087,188,328	20,871.88	(0.12)
123	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/03/2024	2,294,550,953,345	2,089,754,966	20,897.54	0.17
124	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/02/2024	2,294,929,042,834	2,086,299,129	20,862.99	0.14
125	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/02/2024	2,293,730,461,197	2,083,315,586	20,833.15	1.40
126	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/02/2024	2,268,268,887,923	2,054,591,383	20,545.91	0.95
127	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/02/2024	2,246,882,337,920	2,035,219,508	20,352.19	0.73
128	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/02/2024	2,230,544,343,106	2,020,420,600	20,204.20	(1.28)
129	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/02/2024	2,259,570,811,932	2,046,712,691	20,467.12	(0.18)
130	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/02/2024	2,261,655,266,985	2,050,458,084	20,504.58	0.56
131	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/02/2024	2,230,812,785,799	2,039,134,173	20,391.34	(0.20)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
132	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/02/2024	2,235,201,540,661	2,043,145,832	20,431.45	0.10
133	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/02/2024	2,233,011,242,793	2,041,143,731	20,411.43	(0.18)
134	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/02/2024	2,236,982,693,445	2,044,773,942	20,447.73	0.78
135	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/02/2024	2,219,634,976,756	2,028,916,797	20,289.16	1.53
136	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/02/2024	2,186,255,573,777	1,998,405,460	19,984.05	0.29
137	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/02/2024	2,179,927,385,383	1,992,621,010	19,926.21	2.61
138	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/02/2024	2,124,522,616,504	1,941,976,797	19,419.76	(0.28)
139	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/02/2024	2,130,434,745,717	1,947,380,937	19,473.80	(0.07)
140	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/01/2024	2,131,922,670,403	1,948,741,014	19,487.41	(1.61)
141	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/01/2024	2,166,757,073,711	1,980,582,334	19,805.82	0.31
142	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/01/2024	2,160,149,649,052	1,974,542,640	19,745.42	(0.27)
143	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/01/2024	2,166,022,102,591	1,979,910,514	19,799.10	0.48
144	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/01/2024	2,155,734,330,844	1,970,506,700	19,705.06	(0.23)
145	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/01/2024	2,160,646,541,891	1,974,996,839	19,749.96	0.03
146	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/01/2024	2,159,992,114,952	1,974,398,642	19,743.98	(0.20)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
147	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/01/2024	2,144,461,356,453	1,978,285,384	19,782.85	0.34
148	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/01/2024	2,137,166,514,783	1,971,555,825	19,715.55	1.08
149	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/01/2024	2,114,418,128,689	1,950,570,229	19,505.70	0.65
150	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/01/2024	2,100,682,922,781	1,937,899,375	19,378.99	(0.29)
151	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/01/2024	2,106,728,641,355	1,943,476,606	19,434.76	0.56
152	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/01/2024	2,087,272,087,124	1,932,659,339	19,326.59	(1.03)
153	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/01/2024	2,128,458,911,108	1,952,714,597	19,527.14	0.78
154	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/01/2024	2,111,971,992,614	1,937,588,984	19,375.88	0.28
155	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/01/2024	2,086,649,179,662	1,932,082,573	19,320.82	0.82
156	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/01/2024	2,069,669,870,944	1,916,360,991	19,163.60	(0.07)
157	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/01/2024	2,071,107,801,789	1,917,692,409	19,176.92	0.44
158	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/01/2024	2,054,470,778,230	1,909,359,459	19,093.59	0.78
159	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/01/2024	2,150,358,318,303	1,894,588,826	18,945.88	1.52
160	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/01/2024	2,317,903,334,612	1,866,266,775	18,662.66	1.63
161	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/01/2024	2,306,443,038,616	1,836,339,998	18,363.39	0.13

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
162	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/01/2024	2,303,350,199,121	1,833,877,547	18,338.77	-
163	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/12/2023	2,303,404,728,670	1,833,920,962	18,339.20	0.67
164	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/12/2023	2,288,027,296,300	1,821,677,783	18,216.77	1.07
165	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/12/2023	2,263,876,673,561	1,802,449,580	18,024.49	0.14
166	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/12/2023	2,260,695,089,555	1,799,916,472	17,999.16	0.10
167	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/12/2023	2,258,481,216,043	1,798,153,834	17,981.53	0.96
168	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/12/2023	2,237,040,492,727	1,781,083,194	17,810.83	0.33
169	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/12/2023	2,229,641,182,464	1,775,192,024	17,751.92	(0.26)
170	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/12/2023	2,253,300,765,429	1,779,858,424	17,798.58	0.24
171	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/12/2023	2,247,831,971,922	1,775,538,682	17,755.38	0.81
172	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/12/2023	2,247,457,164,286	1,761,330,066	17,613.30	(1.30)
173	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/12/2023	2,277,051,039,993	1,784,522,758	17,845.22	(0.27)
174	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/12/2023	2,299,228,408,484	1,789,282,808	17,892.82	(0.51)
175	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/12/2023	2,321,749,576,362	1,798,411,755	17,984.11	(1.43)
176	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/12/2023	2,360,812,724,065	1,824,430,234	18,244.30	0.18

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
177	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/12/2023	2,352,912,034,690	1,821,139,345	18,211.39	(0.30)
178	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/12/2023	2,376,471,011,184	1,826,649,508	18,266.49	(0.31)
179	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/12/2023	2,460,855,013,120	1,832,356,673	18,323.56	0.26
180	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/12/2023	2,503,726,258,506	1,827,537,414	18,275.37	1.02
181	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/12/2023	2,648,413,219,350	1,809,025,423	18,090.25	(0.87)
182	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/12/2023	2,673,504,624,183	1,824,917,832	18,249.17	2.27
183	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/12/2023	2,699,901,453,769	1,784,468,905	17,844.68	0.74
184	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/11/2023	2,768,594,742,665	1,771,333,808	17,713.33	(0.61)
185	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/11/2023	2,789,194,628,196	1,782,232,989	17,822.32	0.02
186	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/11/2023	2,788,756,612,683	1,781,953,107	17,819.53	1.13
187	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/11/2023	2,757,466,591,630	1,761,959,483	17,619.59	(1.90)
188	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/11/2023	2,916,895,708,293	1,796,118,046	17,961.18	0.72
189	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/11/2023	2,899,539,687,484	1,783,234,740	17,832.34	(3.02)
190	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/11/2023	2,989,737,862,694	1,838,707,172	18,387.07	0.36
191	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/11/2023	2,999,094,204,652	1,832,067,321	18,320.67	0.50

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
192	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/11/2023	3,069,852,515,765	1,822,952,800	18,229.52	0.45
193	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/11/2023	3,075,978,452,227	1,814,736,549	18,147.36	(2.56)
194	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/11/2023	3,156,864,681,913	1,862,457,039	18,624.57	0.34
195	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/11/2023	3,146,057,976,660	1,856,081,402	18,560.81	0.87
196	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/11/2023	3,260,550,233,740	1,840,039,635	18,400.39	1.97
197	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/11/2023	3,386,992,503,943	1,804,471,232	18,044.71	(0.12)
198	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/11/2023	3,580,792,732,172	1,806,656,272	18,066.56	(1.15)
199	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/11/2023	3,626,256,219,035	1,827,750,110	18,277.50	(0.48)
200	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/11/2023	3,735,597,884,121	1,836,577,130	18,365.77	3.87
201	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/11/2023	3,567,969,435,029	1,768,072,068	17,680.72	(1.19)
202	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/11/2023	3,589,290,775,181	1,789,277,554	17,892.77	2.03
203	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/11/2023	3,517,955,672,571	1,753,716,686	17,537.16	(0.40)
204	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/11/2023	3,531,943,664,904	1,760,689,763	17,606.89	3.89
205	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/11/2023	3,399,696,731,938	1,694,764,073	16,947.64	1.81
206	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/10/2023	3,360,892,538,830	1,664,632,262	16,646.32	(1.03)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
207	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/10/2023	3,404,442,271,168	1,682,036,695	16,820.36	(3.43)
208	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/10/2023	3,541,172,047,928	1,741,845,572	17,418.45	1.54
209	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/10/2023	3,495,999,928,219	1,715,407,226	17,154.07	(4.50)
210	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/10/2023	3,664,359,015,269	1,796,254,419	17,962.54	(0.62)
211	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/10/2023	3,687,246,774,632	1,807,473,909	18,074.73	1.20
212	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/10/2023	3,643,444,232,476	1,786,002,074	17,860.02	(1.31)
213	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/10/2023	3,715,389,062,047	1,809,736,513	18,097.36	2.26
214	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/10/2023	3,642,245,128,063	1,769,798,410	17,697.98	(2.43)
215	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/10/2023	3,731,163,955,033	1,813,886,220	18,138.86	(0.96)
216	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/10/2023	3,782,042,296,271	1,831,497,480	18,314.97	(0.80)
217	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/10/2023	3,821,731,085,077	1,846,246,901	18,462.46	(1.64)
218	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/10/2023	3,885,546,732,597	1,877,075,716	18,770.75	(0.12)
219	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/10/2023	3,890,151,660,684	1,879,300,319	18,793.00	(0.30)
220	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/10/2023	3,914,914,344,751	1,884,888,947	18,848.88	1.24
221	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/10/2023	3,867,008,250,146	1,861,823,904	18,618.23	0.49

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
222	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/10/2023	3,905,641,925,156	1,852,771,311	18,527.71	1.25
223	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/10/2023	3,861,207,927,982	1,829,956,363	18,299.56	2.06
224	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/10/2023	3,797,526,893,719	1,792,977,759	17,929.77	(1.18)
225	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/10/2023	3,842,712,722,831	1,814,311,956	18,143.11	1.37
226	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/10/2023	3,801,337,325,063	1,789,706,838	17,897.06	(3.89)
227	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/10/2023	3,955,072,899,191	1,862,087,052	18,620.87	-
228	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/10/2023	3,956,960,009,429	1,862,098,827	18,620.98	-
229	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/09/2023	3,957,052,949,263	1,862,142,564	18,621.42	0.28
230	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/09/2023	3,983,225,410,655	1,856,981,543	18,569.81	(0.75)
231	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/09/2023	4,108,738,787,099	1,871,010,376	18,710.10	2.36
232	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/09/2023	4,014,049,925,301	1,827,891,587	18,278.91	(0.56)
233	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/09/2023	4,077,046,087,495	1,838,163,249	18,381.63	(4.32)
234	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/09/2023	4,266,996,098,855	1,921,204,907	19,212.04	(1.75)
235	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/09/2023	4,344,799,878,154	1,955,355,480	19,553.55	(2.00)
236	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/09/2023	4,443,289,674,745	1,995,190,693	19,951.90	0.82

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
237	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/09/2023	4,407,287,145,651	1,979,024,313	19,790.24	(0.01)
238	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/09/2023	4,407,608,464,556	1,979,168,596	19,791.68	(1.06)
239	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/09/2023	4,454,843,850,969	2,000,378,918	20,003.78	0.46
240	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/09/2023	4,460,115,071,046	1,991,122,799	19,911.22	(0.35)
241	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/09/2023	4,475,750,282,291	1,998,102,804	19,981.02	(0.55)
242	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/09/2023	4,542,705,682,715	2,009,157,754	20,091.57	2.80
243	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/09/2023	4,448,240,494,758	1,954,411,465	19,544.11	(1.44)
244	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/09/2023	4,518,971,894,984	1,982,874,899	19,828.74	(0.55)
245	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/09/2023	4,601,890,422,429	1,993,886,664	19,938.86	(0.04)
246	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/09/2023	4,603,879,592,819	1,994,748,523	19,947.48	1.28
247	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/09/2023	4,545,711,663,827	1,969,545,781	19,695.45	0.70
248	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/09/2023	4,529,779,162,145	1,955,863,196	19,558.63	(0.01)
249	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/08/2023	4,530,204,127,657	1,956,046,687	19,560.46	0.76
250	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/08/2023	4,503,975,910,913	1,941,368,927	19,413.68	1.49
251	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/08/2023	4,454,934,692,718	1,912,810,087	19,128.10	0.59

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
252	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/08/2023	4,428,924,835,475	1,901,642,265	19,016.42	1.15
253	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/08/2023	4,378,406,272,123	1,879,951,168	18,799.51	(0.46)
254	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/08/2023	4,398,778,801,994	1,888,698,498	18,886.98	1.88
255	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/08/2023	4,319,511,509,193	1,853,867,600	18,538.67	(1.42)
256	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/08/2023	4,417,447,717,660	1,880,565,226	18,805.65	1.14
257	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/08/2023	4,367,743,410,946	1,859,405,453	18,594.05	1.25
258	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/08/2023	4,313,858,197,767	1,836,465,814	18,364.65	(5.23)
259	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/08/2023	4,557,723,979,607	1,937,807,814	19,378.07	(0.46)
260	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/08/2023	4,578,860,214,810	1,946,794,309	19,467.94	1.59
261	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/08/2023	4,507,356,906,943	1,916,393,242	19,163.93	(0.43)
262	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/08/2023	4,526,853,931,337	1,924,682,793	19,246.82	0.94
263	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/08/2023	4,484,518,874,890	1,906,683,195	19,066.83	0.83
264	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/08/2023	4,447,735,802,713	1,891,044,133	18,910.44	(1.25)
265	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/08/2023	4,506,042,168,372	1,915,020,046	19,150.20	0.13
266	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/08/2023	4,502,226,600,903	1,912,585,641	19,125.85	(1.04)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
267	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/08/2023	4,549,402,724,516	1,932,626,476	19,326.26	1.74
268	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/08/2023	4,471,471,950,622	1,899,520,794	18,995.20	1.83
269	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/08/2023	4,391,093,848,484	1,865,375,466	18,653.75	(0.96)
270	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/08/2023	4,433,675,327,717	1,883,464,455	18,834.64	0.64
271	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/08/2023	4,405,545,289,492	1,871,514,566	18,715.14	(0.66)
272	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/07/2023	4,453,529,862,914	1,883,895,881	18,838.95	0.81
273	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/07/2023	4,417,686,957,366	1,868,733,907	18,687.33	-
274	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/07/2023	4,417,686,957,366	1,868,733,907	18,687.33	1.35
275	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/07/2023	4,358,979,623,852	1,843,900,010	18,439.00	(0.41)
276	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/07/2023	4,377,101,451,732	1,851,565,757	18,515.65	0.01
277	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/07/2023	4,376,711,896,634	1,851,400,971	18,514.00	0.68
278	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/07/2023	4,387,645,977,403	1,838,912,815	18,389.12	0.65
279	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/07/2023	4,359,515,485,247	1,827,123,003	18,271.23	1.56
280	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/07/2023	4,292,454,441,824	1,799,016,949	17,990.16	(0.31)
281	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/07/2023	4,305,689,768,113	1,804,564,026	18,045.64	(0.44)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
282	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/07/2023	4,324,681,285,968	1,812,523,590	18,125.23	0.94
283	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/07/2023	4,284,291,138,219	1,795,595,615	17,955.95	(0.02)
284	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/07/2023	4,285,363,233,706	1,796,044,942	17,960.44	(0.27)
285	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/07/2023	4,296,926,838,038	1,800,891,382	18,008.91	0.91
286	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/07/2023	4,258,014,365,704	1,784,582,718	17,845.82	(0.69)
287	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/07/2023	4,287,673,616,952	1,797,013,251	17,970.13	0.52
288	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/07/2023	4,265,354,214,247	1,787,658,933	17,876.58	1.12
289	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/07/2023	4,223,574,545,371	1,767,925,720	17,679.25	1.08
290	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/07/2023	4,178,422,785,274	1,749,025,862	17,490.25	(1.37)
291	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/07/2023	4,236,370,723,079	1,773,282,010	17,732.82	(0.06)
292	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/07/2023	4,238,905,151,999	1,774,342,884	17,743.42	0.88
293	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/07/2023	4,202,098,661,195	1,758,936,233	17,589.36	(0.10)
294	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/07/2023	4,206,358,930,325	1,760,719,518	17,607.19	-
295	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/06/2023	4,206,556,389,459	1,760,802,172	17,608.02	(0.02)
296	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/06/2023	4,207,373,874,840	1,761,144,359	17,611.44	(1.82)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
297	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/06/2023	4,285,520,565,054	1,793,855,406	17,938.55	0.89
298	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/06/2023	4,261,860,304,535	1,777,997,623	17,779.97	(0.05)
299	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/06/2023	4,269,504,040,348	1,778,960,016	17,789.60	(0.25)
300	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/06/2023	4,283,937,916,513	1,783,487,891	17,834.87	0.97
301	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/06/2023	4,249,727,074,750	1,766,303,854	17,663.03	0.48
302	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/06/2023	4,229,356,015,525	1,757,837,080	17,578.37	0.71
303	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/06/2023	4,199,389,934,303	1,745,382,350	17,453.82	0.63
304	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/06/2023	4,120,999,566,548	1,734,427,426	17,344.27	(0.51)
305	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/06/2023	4,157,891,686,429	1,743,350,811	17,433.50	0.88
306	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/06/2023	4,138,915,348,869	1,728,148,371	17,281.48	0.13
307	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/06/2023	4,133,609,248,210	1,725,932,880	17,259.32	(0.05)
308	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/06/2023	4,135,697,932,683	1,726,804,982	17,268.04	(0.04)
309	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/06/2023	4,137,459,519,309	1,727,540,509	17,275.40	0.38
310	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/06/2023	4,121,740,871,401	1,720,977,399	17,209.77	1.38
311	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/06/2023	4,070,731,203,910	1,697,552,628	16,975.52	(2.19)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
312	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/06/2023	4,161,710,911,128	1,735,492,456	17,354.92	(0.15)
313	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/06/2023	4,180,224,188,407	1,738,138,955	17,381.38	1.81
314	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/06/2023	4,046,117,555,821	1,707,222,597	17,072.22	(0.19)
315	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/06/2023	4,053,922,564,599	1,710,515,850	17,105.15	2.71
316	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/06/2023	3,946,885,374,818	1,665,352,478	16,653.52	1.17
317	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2023	3,901,363,174,353	1,646,144,799	16,461.44	(0.29)
318	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2023	3,901,363,174,353	1,646,144,799	16,461.44	(0.29)
319	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/05/2023	3,917,480,492,230	1,650,855,664	16,508.55	0.27
320	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/05/2023	3,906,816,366,160	1,646,361,721	16,463.61	1.84
321	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/05/2023	3,836,046,964,503	1,616,538,965	16,165.38	0.12
322	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/05/2023	3,831,584,545,482	1,614,658,468	16,146.58	(0.68)
323	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/05/2023	3,857,639,588,565	1,625,638,258	16,256.38	(1.12)
324	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/05/2023	3,901,353,762,655	1,644,059,739	16,440.59	(0.30)
325	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/05/2023	3,919,795,179,590	1,649,051,400	16,490.51	1.24
326	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/05/2023	3,881,709,813,700	1,628,917,252	16,289.17	0.74

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
327	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/05/2023	3,853,076,054,357	1,616,901,407	16,169.01	0.84
328	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/05/2023	3,820,830,442,895	1,603,369,887	16,033.69	(1.40)
329	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/05/2023	3,875,091,010,007	1,626,139,744	16,261.39	0.07
330	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/05/2023	3,872,208,790,220	1,624,930,251	16,249.30	0.22
331	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/05/2023	3,863,671,438,454	1,621,347,645	16,213.47	0.96
332	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/05/2023	3,835,092,804,160	1,605,985,261	16,059.85	(0.03)
333	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/05/2023	3,836,356,256,313	1,606,514,345	16,065.14	1.00
334	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/05/2023	3,796,858,762,066	1,590,640,453	15,906.40	0.03
335	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/05/2023	3,795,670,504,256	1,590,142,649	15,901.42	1.72
336	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/05/2023	3,731,585,064,036	1,563,294,957	15,632.94	(0.70)
337	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/05/2023	3,757,892,131,972	1,574,315,932	15,743.15	(0.72)
338	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/05/2023	3,784,994,451,588	1,585,670,067	15,856.70	(0.01)
339	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/04/2023	3,785,261,394,360	1,585,781,899	15,857.81	0.79
340	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/04/2023	3,760,437,270,908	1,573,404,715	15,734.04	(0.18)
341	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/04/2023	3,771,869,670,519	1,576,209,640	15,762.09	1.31

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
342	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/04/2023	3,727,768,302,908	1,555,829,842	15,558.29	(1.26)
343	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/04/2023	3,778,478,552,366	1,575,679,129	15,756.79	0.40
344	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/04/2023	3,768,103,128,686	1,569,389,058	15,693.89	(0.15)
345	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/04/2023	3,780,154,206,881	1,571,789,691	15,717.89	(0.29)
346	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/04/2023	3,795,978,395,952	1,576,402,988	15,764.02	(1.34)
347	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/04/2023	3,847,401,690,240	1,597,758,177	15,977.58	(0.42)
348	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/04/2023	3,863,510,529,090	1,604,447,894	16,044.47	0.29
349	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/04/2023	3,850,639,318,655	1,599,767,062	15,997.67	(1.73)
350	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/04/2023	3,918,316,370,035	1,627,883,826	16,278.83	(0.43)
351	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/04/2023	3,935,308,225,598	1,634,943,176	16,349.43	(0.17)
352	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/04/2023	3,946,989,063,133	1,637,754,797	16,377.54	0.30
353	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/04/2023	3,935,018,550,455	1,632,787,780	16,327.87	0.31
354	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/04/2023	3,922,818,102,138	1,627,725,353	16,277.25	0.53
355	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/04/2023	3,902,290,982,099	1,619,207,876	16,192.07	(1.45)
356	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/04/2023	3,959,873,908,455	1,643,101,206	16,431.01	(0.36)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
357	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/04/2023	3,974,316,433,474	1,649,093,955	16,490.93	0.67
358	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/04/2023	3,952,608,827,100	1,638,047,586	16,380.47	2.02
359	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/04/2023	3,861,576,300,071	1,605,645,031	16,056.45	-
360	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/03/2023	3,861,756,536,129	1,605,719,973	16,057.19	1.06
361	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/03/2023	3,826,024,277,235	1,588,880,513	15,888.80	0.21
362	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/03/2023	3,822,614,864,913	1,585,489,367	15,854.89	0.49
363	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/03/2023	3,815,131,912,523	1,577,804,761	15,778.04	0.27
364	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/03/2023	3,811,089,728,649	1,573,530,028	15,735.30	0.91
365	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/03/2023	3,781,318,234,766	1,559,306,488	15,593.06	0.55
366	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/03/2023	3,765,317,348,758	1,550,789,682	15,507.89	0.88
367	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/03/2023	3,740,091,035,249	1,537,234,293	15,372.34	0.77
368	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/03/2023	3,719,061,501,676	1,525,455,907	15,254.55	1.41
369	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/03/2023	3,671,685,582,625	1,504,172,708	15,041.72	(2.21)
370	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/03/2023	3,763,777,524,009	1,538,119,135	15,381.19	0.63
371	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/03/2023	3,740,268,819,187	1,528,511,981	15,285.11	(1.71)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
372	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/03/2023	3,805,493,081,940	1,555,166,768	15,551.66	3.33
373	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/03/2023	3,691,801,980,204	1,505,015,075	15,050.15	(1.56)
374	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/03/2023	3,759,413,416,666	1,528,838,315	15,288.38	(0.40)
375	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/03/2023	3,774,434,356,039	1,534,946,871	15,349.46	(1.04)
376	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/03/2023	3,824,957,781,834	1,551,077,770	15,510.77	1.47
377	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/03/2023	3,775,715,568,697	1,528,629,784	15,286.29	1.83
378	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/03/2023	3,707,821,177,835	1,501,142,177	15,011.42	1.08
379	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/03/2023	3,668,163,096,186	1,485,086,273	14,850.86	0.67
380	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/03/2023	3,643,824,284,203	1,475,232,503	14,752.32	(1.70)
381	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/03/2023	3,706,984,695,303	1,500,803,520	15,008.03	(0.49)
382	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/03/2023	3,740,364,058,088	1,508,211,313	15,082.11	3.35
383	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/02/2023	3,632,155,910,307	1,459,283,210	14,592.83	-
384	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/02/2023	3,636,630,967,397	1,459,322,218	14,593.22	(2.05)
385	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/02/2023	3,712,620,994,210	1,489,815,808	14,898.15	(2.46)
386	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/02/2023	3,803,142,880,570	1,527,366,618	15,273.66	0.91

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
387	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/02/2023	3,767,508,721,671	1,513,663,608	15,136.63	(2.92)
388	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/02/2023	3,880,970,639,599	1,559,248,951	15,592.48	(1.21)
389	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/02/2023	3,928,425,505,410	1,578,314,787	15,783.14	4.23
390	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/02/2023	3,769,035,785,210	1,514,277,133	15,142.77	0.13
391	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/02/2023	3,764,202,888,758	1,512,335,431	15,123.35	1.81
392	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/02/2023	3,697,354,571,954	1,485,477,931	14,854.77	0.64
393	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/02/2023	3,673,782,668,880	1,476,007,500	14,760.07	(0.02)
394	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/02/2023	3,674,406,447,338	1,476,258,114	14,762.58	(1.25)
395	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/02/2023	3,720,873,183,836	1,494,926,952	14,949.26	(1.74)
396	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/02/2023	3,786,948,238,525	1,521,473,780	15,214.73	(0.89)
397	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/02/2023	3,820,925,405,553	1,535,124,710	15,351.24	0.37
398	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/02/2023	3,806,776,544,444	1,529,440,154	15,294.40	(2.04)
399	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/02/2023	3,885,959,177,168	1,561,253,184	15,612.53	0.95
400	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/02/2023	3,849,466,529,320	1,546,591,614	15,465.91	(1.14)
401	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/02/2023	3,893,777,079,304	1,564,394,166	15,643.94	0.06

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
402	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/02/2023	3,891,272,061,755	1,563,387,730	15,633.87	(4.50)
403	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/01/2023	4,074,764,457,307	1,637,109,062	16,371.09	2.33
404	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/01/2023	3,982,064,077,501	1,599,865,037	15,998.65	(1.90)
405	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/01/2023	4,059,033,946,859	1,630,789,050	16,307.89	0.07
406	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/01/2023	4,056,245,243,400	1,629,668,639	16,296.68	(0.02)
407	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/01/2023	4,056,907,615,172	1,629,934,759	16,299.34	0.69
408	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/01/2023	4,029,224,568,200	1,618,812,602	16,188.12	0.61
409	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/01/2023	4,004,888,021,330	1,609,034,962	16,090.34	3.05
410	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/01/2023	3,761,469,494,390	1,561,423,617	15,614.23	1.02
411	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/01/2023	3,718,970,587,114	1,545,706,810	15,457.06	0.89
412	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/01/2023	3,686,080,339,741	1,532,036,716	15,320.36	0.47
413	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/01/2023	3,678,027,840,177	1,524,887,164	15,248.87	0.27
414	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/01/2023	3,630,110,099,500	1,520,783,451	15,207.83	(0.04)
415	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/01/2023	3,593,470,549,369	1,521,367,717	15,213.67	0.41
416	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/01/2023	3,516,783,012,136	1,515,201,642	15,152.01	0.27

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
417	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/01/2023	3,487,802,306,664	1,511,179,508	15,111.79	1.37
418	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/01/2023	3,419,755,300,046	1,490,739,014	14,907.39	0.12
419	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/01/2023	3,415,753,689,270	1,488,994,633	14,889.94	4.51
420	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/01/2023	3,258,487,888,932	1,424,787,008	14,247.87	-
421	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/12/2022	3,258,640,177,297	1,424,853,597	14,248.53	0.02
422	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/12/2022	3,257,894,417,367	1,424,527,510	14,245.27	(1.46)
423	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/12/2022	3,306,066,170,147	1,445,590,804	14,455.90	0.85
424	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/12/2022	3,278,275,349,765	1,433,439,155	14,334.39	3.10
425	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/12/2022	3,165,861,730,001	1,390,365,274	13,903.65	(5.75)
426	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/12/2022	3,339,813,687,376	1,475,182,724	14,751.82	(0.86)
427	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/12/2022	3,368,703,970,006	1,487,943,449	14,879.43	0.98
428	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/12/2022	3,336,038,980,915	1,473,515,450	14,735.15	0.65
429	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/12/2022	3,314,417,541,288	1,463,965,345	14,639.65	(2.70)
430	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/12/2022	3,406,368,840,848	1,504,579,876	15,045.79	(1.28)
431	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/12/2022	3,430,789,010,958	1,524,117,730	15,241.17	(0.16)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
432	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/12/2022	3,430,046,224,728	1,526,500,322	15,265.00	2.22
433	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/12/2022	3,355,395,634,283	1,493,277,985	14,932.77	0.36
434	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/12/2022	3,343,238,824,937	1,487,867,745	14,878.67	3.78
435	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/12/2022	3,221,614,312,594	1,433,740,237	14,337.40	(3.04)
436	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/12/2022	3,312,412,612,716	1,478,755,630	14,787.55	0.50
437	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/12/2022	3,281,306,066,452	1,471,437,697	14,714.37	4.85
438	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/12/2022	3,129,663,362,442	1,403,436,485	14,034.36	(1.88)
439	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/12/2022	3,186,829,315,964	1,430,354,271	14,303.54	(6.03)
440	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/12/2022	3,386,826,142,045	1,522,169,052	15,221.69	3.18
441	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/12/2022	3,227,883,764,192	1,475,266,802	14,752.66	5.15
442	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/12/2022	3,044,602,015,060	1,403,042,403	14,030.42	0.36
443	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/11/2022	3,033,771,388,612	1,398,051,331	13,980.51	1.91
444	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/11/2022	2,976,808,267,895	1,371,801,045	13,718.01	1.34
445	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/11/2022	2,937,414,865,081	1,353,647,403	13,536.47	5.08
446	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/11/2022	2,795,515,330,897	1,288,255,912	12,882.55	3.56

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
447	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/11/2022	2,699,508,281,993	1,244,013,033	12,440.13	0.88
448	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/11/2022	2,675,993,974,616	1,233,176,946	12,331.76	(0.47)
449	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/11/2022	2,688,739,703,293	1,239,050,554	12,390.50	0.05
450	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/11/2022	2,687,404,308,048	1,238,435,164	12,384.35	(0.97)
451	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/11/2022	2,713,763,451,229	1,250,582,235	12,505.82	0.05
452	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/11/2022	2,712,328,532,654	1,249,920,982	12,499.20	3.39
453	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/11/2022	2,640,441,667,257	1,208,993,437	12,089.93	6.04
454	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/11/2022	2,506,109,089,022	1,140,177,019	11,401.77	(5.12)
455	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/11/2022	2,652,022,634,636	1,201,641,429	12,016.41	(1.89)
456	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/11/2022	2,739,864,828,710	1,224,794,290	12,247.94	1.06
457	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/11/2022	2,655,268,220,807	1,211,897,864	12,118.97	(5.97)
458	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/11/2022	2,585,285,244,357	1,288,776,293	12,887.76	(0.18)
459	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/11/2022	2,615,766,911,096	1,291,099,166	12,910.99	2.22
460	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/11/2022	2,576,675,390,893	1,263,076,172	12,630.76	(3.82)
461	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/11/2022	2,678,977,376,633	1,313,224,204	13,132.24	(2.29)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
462	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/11/2022	2,724,181,170,250	1,343,947,296	13,439.47	(0.08)
463	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/11/2022	2,724,981,984,630	1,345,005,915	13,450.05	(0.75)
464	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/11/2022	2,729,447,480,239	1,355,237,080	13,552.37	2.91
465	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/10/2022	2,382,221,756,889	1,316,872,170	13,168.72	0.78
466	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/10/2022	2,379,363,298,565	1,306,624,546	13,066.24	1.01
467	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/10/2022	2,355,684,755,409	1,293,621,502	12,936.21	6.42
468	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/10/2022	2,213,595,345,485	1,215,593,270	12,155.93	(0.03)
469	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/10/2022	2,214,237,614,197	1,215,945,971	12,159.45	1.79
470	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/10/2022	2,175,381,058,448	1,194,607,939	11,946.07	(4.05)
471	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/10/2022	2,279,732,193,275	1,245,074,928	12,450.74	(5.18)
472	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/10/2022	2,417,515,429,383	1,313,153,410	13,131.53	(0.90)
473	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/10/2022	2,439,531,400,965	1,325,112,113	13,251.12	(0.60)
474	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/10/2022	2,454,195,103,193	1,333,077,188	13,330.77	(0.02)
475	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/10/2022	2,454,623,325,354	1,333,309,791	13,333.09	(0.18)
476	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/10/2022	2,459,018,796,587	1,335,697,336	13,356.97	2.02

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
477	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/10/2022	2,410,269,659,052	1,309,217,631	13,092.17	2.20
478	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/10/2022	2,358,423,921,235	1,281,055,905	12,810.55	5.38
479	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/10/2022	2,238,068,578,785	1,215,680,922	12,156.80	(5.36)
480	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/10/2022	2,364,928,051,093	1,284,588,838	12,845.88	(0.28)
481	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/10/2022	2,371,544,850,699	1,288,182,971	12,881.82	(6.16)
482	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/10/2022	2,527,259,945,698	1,372,764,772	13,727.64	(4.41)
483	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/10/2022	2,668,347,366,618	1,436,139,594	14,361.39	1.97
484	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/10/2022	2,616,884,878,465	1,408,441,807	14,084.41	(1.56)
485	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/10/2022	2,672,659,605,252	1,430,759,959	14,307.59	(5.74)
486	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/10/2022	2,850,442,919,672	1,517,807,731	15,178.07	-
487	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/09/2022	2,850,576,215,595	1,517,878,709	15,178.78	0.78
488	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/09/2022	2,828,537,848,237	1,506,143,689	15,061.43	(1.59)
489	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/09/2022	2,874,335,700,631	1,530,530,192	15,305.30	(0.41)
490	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/09/2022	2,893,903,343,315	1,536,857,856	15,368.57	0.39
491	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/09/2022	2,876,633,448,301	1,530,938,503	15,309.38	(3.75)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
492	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/09/2022	2,988,772,403,193	1,590,618,628	15,906.18	(1.56)
493	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/09/2022	3,031,391,036,076	1,615,880,083	16,158.80	0.50
494	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/09/2022	2,992,283,406,225	1,607,890,062	16,078.90	(1.23)
495	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/09/2022	3,029,479,532,429	1,627,877,233	16,278.77	1.54
496	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/09/2022	2,983,528,819,920	1,603,185,824	16,031.85	(3.24)
497	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/09/2022	3,083,514,606,143	1,656,912,738	16,569.12	(1.48)
498	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/09/2022	3,129,851,861,659	1,681,811,854	16,818.11	(0.39)
499	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/09/2022	3,140,490,262,195	1,688,435,624	16,884.35	(0.53)
500	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/09/2022	3,157,285,639,369	1,697,465,397	16,974.65	(0.09)
501	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/09/2022	3,160,100,936,126	1,698,978,997	16,989.78	(0.88)
502	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/09/2022	3,188,243,683,160	1,714,109,507	17,141.09	0.59
503	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/09/2022	3,160,989,784,796	1,704,037,619	17,040.37	(1.54)
504	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/09/2022	3,210,369,960,808	1,730,657,660	17,306.57	(2.95)
505	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/09/2022	3,308,095,488,532	1,783,339,886	17,833.39	0.28
506	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/09/2022	3,298,770,831,123	1,778,313,116	17,783.13	(0.89)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
507	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/09/2022	3,328,340,113,686	1,794,253,430	17,942.53	(0.01)
508	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/09/2022	3,328,573,289,267	1,794,379,131	17,943.79	-
509	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/08/2022	3,328,651,016,293	1,794,421,033	17,944.21	0.51
510	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/08/2022	3,311,606,531,639	1,785,232,631	17,852.32	0.01
511	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/08/2022	3,302,195,259,621	1,784,970,410	17,849.70	(1.27)
512	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/08/2022	3,344,609,767,671	1,807,897,171	18,078.97	(1.07)
513	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/08/2022	3,380,774,481,698	1,827,445,665	18,274.45	1.19
514	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/08/2022	3,340,912,195,802	1,805,898,484	18,058.98	0.54
515	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/08/2022	3,322,808,072,297	1,796,112,471	17,961.12	0.84
516	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/08/2022	3,286,335,828,123	1,781,211,830	17,812.11	(0.74)
517	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/08/2022	3,310,839,339,957	1,794,492,867	17,944.92	0.20
518	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/08/2022	3,304,164,776,317	1,790,875,217	17,908.75	(0.07)
519	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/08/2022	3,306,554,580,613	1,792,170,504	17,921.70	0.14
520	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/08/2022	3,301,788,150,087	1,789,587,073	17,895.87	(0.39)
521	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/08/2022	3,314,722,572,661	1,796,597,600	17,965.97	1.09

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
522	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/08/2022	3,271,939,469,444	1,777,262,069	17,772.62	1.11
523	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/08/2022	3,214,837,296,726	1,757,702,185	17,577.02	(0.60)
524	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/08/2022	3,198,927,499,632	1,768,340,243	17,683.40	(0.81)
525	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/08/2022	3,225,176,437,630	1,782,850,435	17,828.50	0.32
526	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/08/2022	3,170,542,008,000	1,777,209,645	17,772.09	0.66
527	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/08/2022	3,149,599,247,317	1,765,470,430	17,654.70	0.51
528	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/08/2022	3,133,641,811,495	1,756,525,679	17,565.25	0.31
529	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/08/2022	3,123,831,441,677	1,751,026,592	17,510.26	0.86
530	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/08/2022	3,083,233,460,385	1,736,054,876	17,360.54	0.05
531	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/08/2022	3,081,661,519,850	1,735,169,774	17,351.69	2.48
532	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/07/2022	3,007,218,179,174	1,693,253,479	16,932.53	0.62
533	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/07/2022	2,988,823,217,971	1,682,895,956	16,828.95	2.70
534	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/07/2022	2,910,287,145,383	1,638,675,194	16,386.75	0.31
535	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/07/2022	2,884,986,237,740	1,633,627,541	16,336.27	(0.25)
536	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/07/2022	2,869,351,559,538	1,637,757,739	16,377.57	(1.06)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
537	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/07/2022	2,883,682,800,218	1,655,386,222	16,553.86	(0.44)
538	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/07/2022	2,876,592,084,954	1,662,769,991	16,627.69	0.61
539	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/07/2022	2,859,281,578,770	1,652,763,918	16,527.63	1.36
540	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/07/2022	2,821,034,460,979	1,630,655,757	16,306.55	(0.32)
541	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/07/2022	2,829,990,963,986	1,635,832,927	16,358.32	(0.32)
542	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/07/2022	2,839,179,260,031	1,641,144,080	16,411.44	(0.29)
543	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/07/2022	2,847,511,944,704	1,645,960,661	16,459.60	1.00
544	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/07/2022	2,819,301,617,581	1,629,654,114	16,296.54	0.70
545	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/07/2022	2,799,756,248,854	1,618,356,213	16,183.56	1.83
546	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/07/2022	2,738,365,598,215	1,589,300,985	15,893.00	(2.76)
547	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/07/2022	2,807,821,734,126	1,634,354,909	16,343.54	(0.01)
548	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/07/2022	2,783,636,724,128	1,634,548,869	16,345.48	0.65
549	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/07/2022	2,741,238,641,806	1,623,956,541	16,239.56	(2.16)
550	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/07/2022	2,793,576,448,030	1,659,879,054	16,598.79	1.59
551	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/07/2022	2,741,565,531,202	1,633,829,279	16,338.29	1.18

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
552	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/07/2022	2,709,700,373,888	1,614,839,316	16,148.39	1.48
553	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/06/2022	2,660,689,216,938	1,591,321,301	15,913.21	(3.08)
554	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/06/2022	2,745,321,221,706	1,641,938,529	16,419.38	0.06
555	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/06/2022	2,740,391,290,690	1,640,952,868	16,409.52	2.99
556	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/06/2022	2,660,850,093,310	1,593,323,409	15,933.23	1.87
557	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/06/2022	2,601,181,614,557	1,564,150,098	15,641.50	(0.77)
558	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/06/2022	2,621,320,107,450	1,576,259,836	15,762.59	2.37
559	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/06/2022	2,560,607,329,926	1,539,751,852	15,397.51	4.65
560	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/06/2022	2,455,692,967,062	1,471,355,882	14,713.55	0.35
561	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/06/2022	2,447,206,838,467	1,466,271,323	14,662.71	(3.88)
562	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/06/2022	2,541,532,096,635	1,525,529,469	15,255.29	(4.53)
563	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/06/2022	2,662,179,908,959	1,597,947,124	15,979.47	0.60
564	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/06/2022	2,646,338,965,537	1,588,438,754	15,884.38	(1.79)
565	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/06/2022	2,694,663,412,609	1,617,445,025	16,174.45	(0.77)
566	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/06/2022	2,715,538,105,770	1,629,974,853	16,299.74	(6.01)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
567	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/06/2022	2,889,271,166,607	1,734,256,402	17,342.56	(1.43)
568	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/06/2022	2,922,261,541,087	1,759,338,676	17,593.38	0.13
569	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/06/2022	2,918,559,748,923	1,757,110,023	17,571.10	3.64
570	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/06/2022	2,816,165,551,910	1,695,463,908	16,954.63	(0.83)
571	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/06/2022	2,839,719,460,293	1,709,644,467	17,096.44	(0.85)
572	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/06/2022	2,863,963,602,980	1,724,240,579	17,242.40	(0.20)
573	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/06/2022	2,869,679,198,240	1,727,681,636	17,276.81	(1.37)
574	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/06/2022	2,911,191,332,426	1,751,619,333	17,516.19	(0.49)
575	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2022	2,925,488,376,024	1,760,221,646	17,602.21	(1.14)
576	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/05/2022	2,959,089,815,434	1,780,439,118	17,804.39	1.05
577	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/05/2022	2,928,461,710,099	1,762,010,655	17,620.10	1.29
578	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/05/2022	2,892,766,412,381	1,739,486,718	17,394.86	(0.39)
579	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/05/2022	2,903,948,987,129	1,746,211,056	17,462.11	3.94
580	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/05/2022	2,785,497,938,300	1,680,034,944	16,800.34	2.78
581	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/05/2022	2,682,386,597,157	1,634,604,873	16,346.04	(3.52)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
582	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/05/2022	2,780,107,993,802	1,694,154,779	16,941.54	0.05
583	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/05/2022	2,770,203,613,053	1,693,278,492	16,932.78	(0.51)
584	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/05/2022	2,784,267,416,019	1,701,874,948	17,018.74	1.62
585	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/05/2022	2,731,516,118,247	1,674,749,306	16,747.49	6.42
586	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/05/2022	2,566,636,489,803	1,573,658,178	15,736.58	(0.31)
587	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/05/2022	2,566,809,149,374	1,578,603,412	15,786.03	(5.91)
588	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/05/2022	2,727,907,702,041	1,677,680,013	16,776.80	(6.53)
589	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/05/2022	2,918,492,118,308	1,794,890,601	17,948.90	0.67
590	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/05/2022	2,899,121,680,536	1,782,977,663	17,829.77	2.05
591	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/05/2022	2,840,812,176,166	1,747,116,959	17,471.16	(5.98)
592	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/05/2022	3,002,994,729,328	1,858,288,817	18,582.88	(3.95)
593	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/05/2022	3,126,388,724,865	1,934,646,488	19,346.46	0.25
594	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/05/2022	3,107,116,397,518	1,929,885,961	19,298.85	(2.95)
595	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/05/2022	3,193,746,227,099	1,988,634,014	19,886.34	(0.01)
596	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/04/2022	3,193,969,991,760	1,988,773,344	19,887.73	1.49

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
597	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/04/2022	3,147,144,231,255	1,959,616,582	19,596.16	(0.29)
598	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/04/2022	3,156,294,763,701	1,965,314,298	19,653.14	0.55
599	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/04/2022	3,139,083,993,743	1,954,597,754	19,545.97	3.11
600	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/04/2022	3,044,354,836,414	1,895,613,223	18,956.13	(6.34)
601	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/04/2022	3,250,450,217,509	2,023,941,604	20,239.41	1.76
602	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/04/2022	3,194,083,670,234	1,988,844,128	19,888.44	0.97
603	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/04/2022	3,163,472,338,584	1,969,783,523	19,697.83	(0.53)
604	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/04/2022	3,180,437,966,144	1,980,347,425	19,803.47	(3.47)
605	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/04/2022	3,294,689,113,630	2,051,487,617	20,514.87	(3.55)
606	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/04/2022	3,416,093,954,569	2,127,082,163	21,270.82	(2.56)
607	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/04/2022	3,505,727,373,250	2,182,893,756	21,828.93	(0.74)
608	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/04/2022	3,532,035,260,782	2,199,274,757	21,992.74	1.15
609	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/04/2022	3,448,237,408,725	2,174,172,388	21,741.72	(1.77)
610	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/04/2022	3,510,248,052,084	2,213,271,155	22,132.71	(1.58)
611	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/04/2022	3,571,218,981,315	2,248,878,451	22,488.78	(0.50)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
612	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/04/2022	3,589,257,776,659	2,260,237,894	22,602.37	1.87
613	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/04/2022	3,545,630,526,271	2,218,792,569	22,187.92	(1.04)
614	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/04/2022	3,594,113,279,760	2,242,116,830	22,421.16	0.48
615	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/04/2022	3,577,065,470,234	2,231,481,890	22,314.81	2.00
616	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/03/2022	3,496,036,405,838	2,187,757,450	21,877.57	0.21
617	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/03/2022	3,506,095,566,782	2,183,123,017	21,831.23	0.65
618	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/03/2022	3,526,800,393,037	2,169,003,931	21,690.03	0.80
619	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/03/2022	3,498,674,951,393	2,151,706,612	21,517.06	(1.96)
620	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/03/2022	3,579,612,400,362	2,194,734,764	21,947.34	(0.27)
621	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/03/2022	3,600,412,374,282	2,200,741,060	22,007.41	(0.75)
622	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/03/2022	3,638,670,989,796	2,217,349,780	22,173.49	(0.50)
623	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/03/2022	3,679,382,839,384	2,228,578,340	22,285.78	0.94
624	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/03/2022	3,645,198,165,261	2,207,872,904	22,078.72	0.66
625	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/03/2022	3,621,401,890,017	2,193,459,654	21,934.59	0.06
626	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/03/2022	3,630,306,976,319	2,192,214,357	21,922.14	(0.01)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
627	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/03/2022	3,630,633,532,829	2,192,411,553	21,924.11	0.57
628	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/03/2022	3,636,147,589,057	2,179,944,597	21,799.44	0.65
629	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/03/2022	3,623,665,315,577	2,165,968,509	21,659.68	(0.55)
630	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/03/2022	3,643,832,678,175	2,178,023,119	21,780.23	(0.11)
631	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/03/2022	3,647,824,141,536	2,180,408,930	21,804.08	0.73
632	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/03/2022	3,634,447,741,918	2,164,650,233	21,646.50	(0.14)
633	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/03/2022	3,665,522,594,935	2,167,665,638	21,676.65	(1.55)
634	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/03/2022	3,745,400,792,260	2,201,881,712	22,018.81	(1.50)
635	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/03/2022	3,800,180,770,239	2,235,400,453	22,354.00	0.71
636	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/03/2022	3,764,622,977,789	2,219,706,944	22,197.06	1.68
637	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/03/2022	3,691,613,270,403	2,183,094,778	21,830.94	(3.19)
638	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/03/2022	3,813,408,435,830	2,255,120,305	22,551.20	(0.28)
639	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/02/2022	3,824,079,065,263	2,261,430,553	22,614.30	(0.46)
640	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/02/2022	3,841,558,336,234	2,271,767,200	22,717.67	1.12
641	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/02/2022	3,799,055,964,672	2,246,632,740	22,466.32	(0.96)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
642	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/02/2022	3,835,819,681,718	2,268,373,555	22,683.73	0.37
643	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/02/2022	3,821,652,437,188	2,259,995,527	22,599.95	0.61
644	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/02/2022	3,798,565,333,221	2,246,342,598	22,463.42	0.33
645	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/02/2022	3,786,145,227,859	2,238,997,769	22,389.97	(0.99)
646	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/02/2022	3,823,889,415,225	2,261,318,400	22,613.18	1.00
647	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/02/2022	3,763,727,561,490	2,238,981,297	22,389.81	(0.19)
648	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/02/2022	3,737,322,956,746	2,243,291,090	22,432.91	1.73
649	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/02/2022	3,671,477,870,405	2,205,091,814	22,050.91	(5.12)
650	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/02/2022	3,846,166,354,012	2,323,967,585	23,239.67	0.49
651	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/02/2022	3,827,382,319,958	2,312,617,715	23,126.17	(0.20)
652	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/02/2022	3,835,132,642,694	2,317,300,690	23,173.00	(0.49)
653	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/02/2022	3,853,978,608,448	2,328,687,980	23,286.87	1.05
654	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/02/2022	3,813,879,500,371	2,304,458,912	23,044.58	0.11
655	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/02/2022	3,809,520,708,699	2,301,825,201	23,018.25	(0.01)
656	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/02/2022	3,809,787,352,002	2,301,986,315	23,019.86	(0.01)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
657	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/01/2022	3,810,054,013,827	2,302,147,440	23,021.47	1.34
658	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/01/2022	3,759,833,767,476	2,271,802,880	22,718.02	(0.78)
659	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/01/2022	3,789,484,533,341	2,289,718,751	22,897.18	1.71
660	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/01/2022	3,665,113,242,778	2,251,298,060	22,512.98	3.22
661	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/01/2022	3,550,704,231,947	2,181,022,255	21,810.22	(1.05)
662	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/01/2022	3,588,492,413,807	2,204,233,669	22,042.33	1.90
663	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/01/2022	3,521,519,696,804	2,163,095,636	21,630.95	1.41
664	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/01/2022	3,472,605,742,907	2,133,050,210	21,330.50	(0.12)
665	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/01/2022	3,455,482,084,702	2,135,650,237	21,356.50	0.34
666	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/01/2022	3,433,171,661,969	2,128,438,724	21,284.38	(3.34)
667	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/01/2022	3,540,715,495,703	2,201,937,497	22,019.37	(0.25)
668	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/01/2022	3,549,503,843,717	2,207,402,887	22,074.02	0.02
669	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/01/2022	3,531,132,090,452	2,206,957,556	22,069.57	4.20
670	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/01/2022	3,388,816,788,644	2,118,010,492	21,180.10	(0.24)
671	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/01/2022	3,397,084,261,311	2,123,177,663	21,231.77	(1.52)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
672	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/01/2022	3,449,536,119,982	2,155,960,074	21,559.60	(1.05)
673	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/01/2022	3,455,803,310,663	2,178,942,818	21,789.42	(0.71)
674	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/01/2022	3,480,479,005,701	2,194,501,264	21,945.01	(0.80)
675	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/01/2022	3,508,581,631,612	2,212,220,448	22,122.20	1.16
676	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/01/2022	3,468,471,085,730	2,186,930,066	21,869.30	(0.01)
677	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/12/2021	3,468,713,931,920	2,187,083,185	21,870.83	1.40
678	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/12/2021	3,420,701,908,381	2,156,810,787	21,568.10	1.32
679	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/12/2021	3,376,268,267,261	2,128,794,619	21,287.94	0.08
680	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/12/2021	3,320,345,594,546	2,127,063,161	21,270.63	1.80
681	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/12/2021	3,251,305,758,153	2,089,528,122	20,895.28	0.41
682	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/12/2021	3,237,976,312,305	2,080,961,640	20,809.61	3.24
683	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/12/2021	3,128,149,441,005	2,015,560,206	20,155.60	(1.88)
684	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/12/2021	3,186,008,030,088	2,054,163,784	20,541.63	(1.31)
685	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/12/2021	3,224,106,333,141	2,081,411,448	20,814.11	(0.77)
686	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/12/2021	3,249,124,294,742	2,097,562,488	20,975.62	0.35

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
687	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/12/2021	3,229,390,188,203	2,090,220,186	20,902.20	0.13
688	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/12/2021	3,214,607,790,208	2,087,407,655	20,874.07	(0.74)
689	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/12/2021	3,238,730,377,606	2,103,071,673	21,030.71	0.18
690	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/12/2021	3,232,774,483,972	2,099,204,210	20,992.04	(0.66)
691	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/12/2021	3,254,380,165,500	2,113,233,873	21,132.33	(0.21)
692	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/12/2021	3,259,139,073,609	2,117,699,203	21,176.99	(0.24)
693	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/12/2021	3,267,063,252,896	2,122,848,117	21,228.48	0.87
694	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/12/2021	3,238,800,025,402	2,104,483,447	21,044.83	0.88
695	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/12/2021	3,187,683,843,983	2,086,180,526	20,861.80	2.18
696	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/12/2021	3,111,386,402,214	2,041,592,127	20,415.92	(2.17)
697	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/12/2021	3,180,309,449,411	2,086,817,224	20,868.17	(3.36)
698	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/12/2021	3,290,861,890,887	2,159,358,196	21,593.58	(1.47)
699	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/12/2021	3,328,921,618,551	2,191,521,802	21,915.21	1.47
700	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/11/2021	3,280,684,862,053	2,159,766,202	21,597.66	(2.11)
701	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/11/2021	3,349,176,893,579	2,206,308,889	22,063.08	(1.71)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
702	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/11/2021	3,398,477,787,495	2,244,701,312	22,447.01	(0.82)
703	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/11/2021	3,426,451,971,307	2,263,178,316	22,631.78	0.39
704	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/11/2021	3,413,199,528,347	2,254,425,051	22,544.25	4.98
705	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/11/2021	3,197,469,184,378	2,147,393,676	21,473.93	(0.14)
706	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/11/2021	3,193,482,352,586	2,150,493,166	21,504.93	2.60
707	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/11/2021	3,102,082,757,812	2,096,001,863	20,960.01	1.32
708	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/11/2021	3,061,611,231,678	2,068,656,237	20,686.56	(0.73)
709	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/11/2021	3,084,077,544,910	2,083,836,178	20,838.36	0.20
710	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/11/2021	3,077,898,616,966	2,079,661,227	20,796.61	(0.30)
711	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/11/2021	3,087,284,122,322	2,086,002,785	20,860.02	(0.20)
712	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/11/2021	3,093,445,591,404	2,090,165,940	20,901.65	1.37
713	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/11/2021	3,051,570,222,208	2,061,871,771	20,618.71	(1.40)
714	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/11/2021	3,095,016,889,179	2,091,227,627	20,912.27	(0.20)
715	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/11/2021	3,101,092,975,350	2,095,333,091	20,953.33	(0.10)
716	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/11/2021	3,104,146,548,034	2,097,396,316	20,973.96	0.15

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
717	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/11/2021	3,099,574,448,611	2,094,307,059	20,943.07	(0.22)
718	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/11/2021	3,106,519,708,756	2,098,999,803	20,989.99	(0.66)
719	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/11/2021	3,127,124,758,192	2,112,922,133	21,129.22	2.87
720	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/11/2021	3,039,794,905,729	2,053,915,476	20,539.15	0.53
721	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/11/2021	3,023,811,402,287	2,043,115,812	20,431.15	(0.03)
722	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/10/2021	2,889,792,258,416	2,043,700,324	20,437.00	0.03
723	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/10/2021	2,888,945,477,365	2,043,101,469	20,431.01	0.95
724	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/10/2021	2,851,662,715,669	2,023,891,210	20,238.91	1.94
725	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/10/2021	2,787,471,494,118	1,985,378,557	19,853.78	0.24
726	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/10/2021	2,780,737,280,490	1,980,582,108	19,805.82	(1.29)
727	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/10/2021	2,817,019,742,649	2,006,424,318	20,064.24	(0.49)
728	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/10/2021	2,770,512,291,042	2,016,384,491	20,163.84	(1.02)
729	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/10/2021	2,733,941,664,084	2,037,214,354	20,372.14	(0.04)
730	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/10/2021	2,735,000,788,374	2,038,003,568	20,380.03	(0.37)
731	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/10/2021	2,712,295,125,987	2,045,471,437	20,454.71	0.30

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
732	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/10/2021	2,704,315,151,059	2,039,453,356	20,394.53	0.50
733	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/10/2021	2,690,890,974,458	2,029,329,543	20,293.29	(0.06)
734	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/10/2021	2,672,203,097,488	2,030,549,466	20,305.49	(0.43)
735	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/10/2021	2,683,616,537,799	2,039,222,293	20,392.22	(0.14)
736	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/10/2021	2,687,373,184,744	2,042,076,888	20,420.76	3.36
737	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/10/2021	2,599,949,930,517	1,975,645,843	19,756.45	0.68
738	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/10/2021	2,570,489,636,484	1,962,205,829	19,622.05	0.82
739	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/10/2021	2,549,682,556,382	1,946,322,562	19,463.22	(0.19)
740	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/10/2021	2,570,170,074,458	1,950,053,167	19,500.53	1.94
741	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/10/2021	2,521,164,112,435	1,912,871,101	19,128.71	(1.57)
742	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/10/2021	2,561,502,245,516	1,943,476,665	19,434.76	-
743	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/10/2021	2,561,502,245,516	1,943,476,665	19,434.76	(2.01)
744	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/09/2021	2,614,055,832,175	1,983,350,403	19,833.50	0.09
745	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/09/2021	2,611,613,974,162	1,981,497,704	19,814.97	(1.17)
746	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/09/2021	2,642,487,951,255	2,004,922,573	20,049.22	0.30

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
747	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/09/2021	2,634,560,724,918	1,998,907,985	19,989.07	(1.71)
748	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/09/2021	2,680,315,452,692	2,033,623,256	20,336.23	0.90
749	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/09/2021	2,656,290,898,408	2,015,395,218	20,153.95	(0.10)
750	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/09/2021	2,658,890,163,804	2,017,367,347	20,173.67	(0.18)
751	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/09/2021	2,641,413,494,344	2,020,974,364	20,209.74	(0.95)
752	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/09/2021	2,666,699,595,432	2,040,321,037	20,403.21	1.29
753	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/09/2021	2,632,796,818,526	2,014,381,651	20,143.81	1.18
754	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/09/2021	2,592,080,408,767	1,990,845,168	19,908.45	0.92
755	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/09/2021	2,568,409,395,935	1,972,664,666	19,726.64	(0.24)
756	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/09/2021	2,568,551,607,054	1,977,329,951	19,773.29	(1.24)
757	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/09/2021	2,600,901,779,351	2,002,233,856	20,022.33	(0.85)
758	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/09/2021	2,623,143,924,995	2,019,356,370	20,193.56	(0.09)
759	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/09/2021	2,625,604,730,592	2,021,250,754	20,212.50	0.76
760	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/09/2021	2,585,859,016,188	2,006,096,986	20,060.96	(1.04)
761	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/09/2021	2,613,045,764,374	2,027,188,335	20,271.88	1.72

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
762	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/09/2021	2,568,829,292,817	1,992,885,409	19,928.85	0.55
763	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/09/2021	2,554,717,719,743	1,981,937,718	19,819.37	(0.01)
764	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/09/2021	2,554,897,355,132	1,982,077,079	19,820.77	-
765	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/09/2021	2,554,957,235,015	1,982,123,533	19,821.23	(0.23)
766	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/08/2021	2,560,797,222,385	1,986,654,167	19,866.54	(1.08)
767	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/08/2021	2,588,872,550,531	2,008,434,872	20,084.34	1.86
768	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/08/2021	2,541,600,365,591	1,971,761,338	19,717.61	(0.14)
769	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/08/2021	2,545,163,922,168	1,974,525,928	19,745.25	(1.45)
770	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/08/2021	2,582,583,185,066	2,003,555,612	20,035.55	0.42
771	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/08/2021	2,571,828,994,120	1,995,212,563	19,952.12	0.33
772	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/08/2021	2,563,268,594,755	1,988,571,446	19,885.71	(3.51)
773	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/08/2021	2,656,408,312,452	2,060,828,791	20,608.28	(4.19)
774	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/08/2021	2,772,527,308,483	2,150,913,350	21,509.13	0.17
775	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/08/2021	2,767,732,704,875	2,147,193,719	21,471.93	(0.76)
776	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/08/2021	2,789,043,076,715	2,163,726,203	21,637.26	(0.32)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
777	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/08/2021	2,806,755,945,974	2,170,731,590	21,707.31	2.76
778	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/08/2021	2,731,363,491,526	2,112,423,427	21,124.23	0.60
779	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/08/2021	2,715,141,006,208	2,099,877,034	20,998.77	(0.84)
780	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/08/2021	2,738,003,963,736	2,117,559,136	21,175.59	(0.24)
781	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/08/2021	2,744,472,839,471	2,122,562,134	21,225.62	(0.28)
782	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/08/2021	2,745,894,214,407	2,128,600,166	21,286.00	1.41
783	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/08/2021	2,728,827,579,090	2,099,098,137	20,990.98	(1.46)
784	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/08/2021	2,769,365,232,737	2,130,280,948	21,302.80	1.32
785	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/08/2021	2,733,156,657,561	2,102,428,198	21,024.28	0.58
786	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/08/2021	2,717,319,983,424	2,090,246,141	20,902.46	1.35
787	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/08/2021	2,681,245,676,530	2,062,496,674	20,624.96	(0.98)
788	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/08/2021	2,707,796,466,387	2,082,920,358	20,829.20	2.10
789	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/07/2021	2,652,115,943,149	2,040,089,187	20,400.89	1.67
790	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/07/2021	2,608,653,256,536	2,006,656,351	20,066.56	0.01
791	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/07/2021	2,608,487,715,542	2,006,529,011	20,065.29	1.04

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
792	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/07/2021	2,581,586,560,726	1,985,835,815	19,858.35	(1.14)
793	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/07/2021	2,611,324,438,934	2,008,711,106	20,087.11	(2.03)
794	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/07/2021	2,661,354,184,906	2,050,349,911	20,503.49	1.25
795	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/07/2021	2,628,479,640,102	2,025,022,835	20,250.22	(0.55)
796	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/07/2021	2,636,930,632,337	2,036,239,870	20,362.39	2.94
797	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/07/2021	2,561,719,772,882	1,978,161,986	19,781.61	(6.05)
798	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/07/2021	2,726,672,807,954	2,105,538,847	21,055.38	(0.55)
799	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/07/2021	2,741,866,093,334	2,117,271,114	21,172.71	3.10
800	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/07/2021	2,659,314,400,245	2,053,524,633	20,535.24	(3.59)
801	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/07/2021	2,758,437,725,601	2,130,067,741	21,300.67	0.21
802	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/07/2021	2,752,732,865,435	2,125,662,444	21,256.62	(4.85)
803	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/07/2021	2,892,905,728,444	2,233,904,037	22,339.04	(1.64)
804	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/07/2021	2,941,083,432,044	2,271,106,897	22,711.06	(1.20)
805	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/07/2021	2,976,663,884,749	2,298,582,150	22,985.82	2.91
806	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/07/2021	2,903,798,291,291	2,233,690,993	22,336.90	(5.68)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
807	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/07/2021	3,078,679,397,150	2,368,214,920	23,682.14	1.21
808	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/07/2021	3,041,831,908,120	2,339,870,698	23,398.70	1.12
809	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/07/2021	3,008,233,920,266	2,314,026,092	23,140.26	1.47
810	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/06/2021	2,941,797,870,517	2,280,463,465	22,804.63	(0.46)
811	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/06/2021	2,955,376,000,584	2,290,989,147	22,909.89	0.32
812	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/06/2021	2,946,090,825,720	2,283,791,337	22,837.91	1.66
813	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/06/2021	2,898,039,413,683	2,246,542,181	22,465.42	1.31
814	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/06/2021	2,860,605,812,623	2,217,523,885	22,175.23	(0.25)
815	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/06/2021	2,867,763,802,515	2,223,072,715	22,230.72	0.92
816	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/06/2021	2,841,698,467,423	2,202,867,029	22,028.67	1.41
817	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/06/2021	2,802,053,695,187	2,172,134,647	21,721.34	(0.74)
818	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/06/2021	2,822,889,995,125	2,188,286,817	21,882.86	1.42
819	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/06/2021	2,783,356,471,920	2,157,640,675	21,576.40	0.36
820	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/06/2021	2,773,266,375,793	2,149,818,895	21,498.18	(1.97)
821	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/06/2021	2,828,988,230,203	2,193,014,131	21,930.14	(1.40)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
822	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/06/2021	2,869,256,110,688	2,224,229,543	22,242.29	0.19
823	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/06/2021	2,863,791,699,795	2,219,993,565	22,199.93	3.94
824	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/06/2021	2,755,160,849,296	2,135,783,604	21,357.83	(1.23)
825	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/06/2021	2,789,427,967,006	2,162,347,261	21,623.47	2.70
826	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/06/2021	2,732,891,997,496	2,105,463,788	21,054.63	(4.96)
827	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/06/2021	2,875,408,998,306	2,215,261,169	22,152.61	(3.07)
828	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/06/2021	2,966,465,446,609	2,285,412,516	22,854.12	0.06
829	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/06/2021	2,889,350,398,117	2,284,071,460	22,840.71	3.21
830	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/06/2021	2,799,589,374,780	2,213,114,130	22,131.14	0.32
831	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/06/2021	2,797,184,916,316	2,205,981,795	22,059.81	(0.63)
832	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2021	2,814,854,228,336	2,219,916,583	22,199.16	2.59
833	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/05/2021	2,743,767,167,841	2,163,854,233	21,638.54	3.31
834	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/05/2021	2,655,871,590,141	2,094,535,954	20,945.35	(1.50)
835	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/05/2021	2,734,581,787,643	2,126,424,407	21,264.24	1.65
836	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/05/2021	2,742,609,345,523	2,091,997,975	20,919.97	1.47

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
837	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/05/2021	2,717,367,555,230	2,061,735,626	20,617.35	0.88
838	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/05/2021	2,693,646,160,936	2,043,737,603	20,437.37	(0.08)
839	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/05/2021	2,714,219,888,616	2,045,380,473	20,453.80	1.47
840	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/05/2021	2,674,870,736,553	2,015,727,759	20,157.27	2.55
841	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/05/2021	2,608,330,499,409	1,965,584,400	19,655.84	1.11
842	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/05/2021	2,579,776,980,777	1,944,067,054	19,440.67	(0.93)
843	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/05/2021	2,594,190,631,347	1,962,322,716	19,623.22	1.09
844	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/05/2021	2,587,591,184,435	1,941,178,682	19,411.78	0.28
845	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/05/2021	2,578,414,054,685	1,935,746,287	19,357.46	2.70
846	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/05/2021	2,505,093,007,873	1,884,945,829	18,849.45	(0.55)
847	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/05/2021	2,509,482,116,871	1,895,379,242	18,953.79	2.51
848	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/05/2021	2,448,047,547,129	1,848,978,509	18,489.78	(0.07)
849	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/05/2021	2,449,790,975,218	1,850,295,298	18,502.95	(0.03)
850	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/05/2021	2,450,608,513,801	1,850,912,774	18,509.12	2.56
851	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/05/2021	2,389,381,385,012	1,804,668,719	18,046.68	2.40

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
852	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/05/2021	2,333,452,338,941	1,762,426,237	17,624.26	(0.01)
853	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/04/2021	2,333,616,251,304	1,762,550,038	17,625.50	-
854	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/04/2021	2,333,670,901,328	1,762,591,315	17,625.91	1.81
855	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/04/2021	2,292,190,732,280	1,731,261,882	17,312.61	1.94
856	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/04/2021	2,248,560,953,918	1,698,308,877	16,983.08	0.53
857	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/04/2021	2,236,766,993,738	1,689,401,052	16,894.01	(1.48)
858	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/04/2021	2,277,302,330,871	1,714,836,092	17,148.36	3.85
859	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/04/2021	2,206,088,529,290	1,651,263,869	16,512.63	(3.92)
860	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/04/2021	2,292,695,223,475	1,718,662,086	17,186.62	(0.20)
861	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/04/2021	2,297,247,138,066	1,722,074,316	17,220.74	2.10
862	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/04/2021	2,249,968,157,766	1,686,632,801	16,866.32	(1.37)
863	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/04/2021	2,281,266,543,649	1,710,094,860	17,100.94	(1.63)
864	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/04/2021	2,093,015,345,128	1,738,384,838	17,383.84	0.99
865	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/04/2021	2,072,560,748,912	1,721,395,970	17,213.95	(1.47)
866	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/04/2021	2,103,568,638,248	1,747,150,031	17,471.50	2.03

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
867	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/04/2021	2,061,717,764,406	1,712,390,169	17,123.90	0.11
868	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/04/2021	2,059,489,861,854	1,710,539,752	17,105.39	(0.75)
869	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/04/2021	2,088,883,856,561	1,723,501,531	17,235.01	(0.02)
870	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/04/2021	2,089,232,469,397	1,723,789,166	17,237.89	0.80
871	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/04/2021	2,072,682,900,108	1,710,134,406	17,101.34	1.89
872	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/04/2021	2,034,264,803,086	1,678,436,306	16,784.36	1.41
873	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/04/2021	2,005,953,838,838	1,655,077,424	16,550.77	2.20
874	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/03/2021	1,962,826,539,093	1,619,493,844	16,194.93	0.57
875	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/03/2021	1,951,610,480,213	1,610,239,670	16,102.39	1.54
876	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/03/2021	1,922,046,959,538	1,585,847,326	15,858.47	1.60
877	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/03/2021	1,891,731,469,316	1,560,834,545	15,608.34	0.09
878	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/03/2021	1,890,097,614,686	1,559,486,480	15,594.86	0.06
879	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/03/2021	1,893,590,788,569	1,558,510,937	15,585.10	(2.44)
880	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/03/2021	1,940,855,692,206	1,597,412,092	15,974.12	(1.48)
881	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/03/2021	1,969,971,248,582	1,621,375,513	16,213.75	(0.51)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
882	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/03/2021	1,980,093,154,547	1,629,706,300	16,297.06	(0.70)
883	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/03/2021	1,994,037,019,635	1,641,182,732	16,411.82	2.05
884	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/03/2021	1,953,903,611,646	1,608,151,120	16,081.51	1.67
885	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/03/2021	1,921,824,496,124	1,581,748,556	15,817.48	(0.65)
886	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/03/2021	1,934,415,227,192	1,592,111,298	15,921.11	0.33
887	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/03/2021	1,928,082,539,667	1,586,899,209	15,868.99	0.04
888	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/03/2021	1,927,366,528,405	1,586,309,899	15,863.09	2.18
889	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/03/2021	1,886,257,614,846	1,552,475,403	15,524.75	0.97
890	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/03/2021	1,868,160,857,552	1,537,580,952	15,375.80	(0.32)
891	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/03/2021	1,874,085,504,187	1,542,457,205	15,424.57	(0.38)
892	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/03/2021	1,881,316,786,408	1,548,408,877	15,484.08	0.25
893	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/03/2021	1,876,646,064,601	1,544,564,662	15,445.64	(2.13)
894	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/03/2021	1,914,290,646,385	1,578,145,627	15,781.45	0.28
895	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/03/2021	1,905,789,553,825	1,573,732,084	15,737.32	0.15
896	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/03/2021	1,902,841,797,820	1,571,297,933	15,712.97	2.50

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
897	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/02/2021	1,851,766,326,364	1,532,919,144	15,329.19	0.22
898	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/02/2021	1,844,622,526,975	1,529,537,750	15,295.37	0.19
899	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/02/2021	1,833,547,827,060	1,526,684,285	15,266.84	(1.45)
900	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/02/2021	1,860,466,650,968	1,549,097,960	15,490.97	0.91
901	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/02/2021	1,843,629,206,905	1,535,078,440	15,350.78	(0.15)
902	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/02/2021	1,846,442,237,621	1,537,420,680	15,374.20	0.05
903	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/02/2021	1,793,300,804,021	1,536,675,924	15,366.75	0.70
904	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/02/2021	1,701,503,669,422	1,526,012,259	15,260.12	4.73
905	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/02/2021	1,624,655,970,637	1,457,090,556	14,570.90	(0.01)
906	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/02/2021	1,624,849,522,837	1,457,264,146	14,572.64	-
907	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/02/2021	1,624,926,947,436	1,457,333,585	14,573.33	3.97
908	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/02/2021	1,505,345,190,489	1,401,624,944	14,016.24	(3.93)
909	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/02/2021	1,514,380,444,729	1,458,940,698	14,589.40	2.64
910	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/02/2021	1,475,370,060,705	1,421,358,439	14,213.58	(0.09)
911	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/02/2021	1,476,689,963,275	1,422,630,022	14,226.30	4.17

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
912	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/02/2021	1,417,602,495,113	1,365,705,679	13,657.05	5.71
913	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/02/2021	1,340,981,045,816	1,291,889,254	12,918.89	(1.19)
914	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/01/2021	1,357,163,941,494	1,307,479,712	13,074.79	2.67
915	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/01/2021	1,321,844,742,088	1,273,453,508	12,734.53	(6.39)
916	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/01/2021	1,412,008,962,905	1,360,316,919	13,603.16	(4.84)
917	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/01/2021	1,483,779,581,536	1,429,460,097	14,294.60	(3.48)
918	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/01/2021	1,322,578,576,435	1,481,051,037	14,810.51	(1.63)
919	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/01/2021	1,254,157,538,404	1,505,591,282	15,055.91	0.21
920	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/01/2021	1,251,561,679,156	1,502,475,004	15,024.75	4.54
921	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/01/2021	1,197,179,718,928	1,437,190,538	14,371.90	0.21
922	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/01/2021	1,194,633,517,542	1,434,133,874	14,341.33	(6.45)
923	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/01/2021	1,276,982,695,261	1,532,992,431	15,329.92	(1.82)
924	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/01/2021	1,300,657,257,075	1,561,413,273	15,614.13	2.00
925	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/01/2021	1,275,185,373,830	1,530,834,782	15,308.34	1.68
926	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/01/2021	1,254,175,389,042	1,505,612,711	15,056.12	0.10

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
927	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/01/2021	1,252,901,597,040	1,504,083,549	15,040.83	(0.41)
928	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/01/2021	1,258,029,917,602	1,510,239,997	15,102.39	(0.24)
929	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/01/2021	1,261,026,202,344	1,513,836,977	15,138.36	1.61
930	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/01/2021	1,211,257,553,700	1,489,861,689	14,898.61	2.47
931	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/01/2021	1,182,032,377,090	1,453,914,362	14,539.14	2.54
932	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/01/2021	1,152,777,907,823	1,417,931,005	14,179.31	1.10
933	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/01/2021	1,140,249,986,216	1,402,521,508	14,025.21	3.44
934	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/01/2021	1,102,289,791,738	1,355,830,002	13,558.30	(0.01)
935	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/12/2020	1,102,369,097,512	1,355,927,549	13,559.27	1.57
936	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/12/2020	1,085,330,865,633	1,334,970,314	13,349.70	0.14
937	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/12/2020	1,083,791,748,900	1,333,077,181	13,330.77	(0.32)
938	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/12/2020	1,087,217,960,561	1,337,291,464	13,372.91	(0.15)
939	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/12/2020	1,088,851,929,612	1,339,301,266	13,393.01	2.75
940	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/12/2020	1,059,673,585,799	1,303,411,544	13,034.11	(1.45)
941	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/12/2020	1,075,285,423,330	1,322,614,296	13,226.14	(1.73)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
942	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/12/2020	1,094,220,245,719	1,345,904,361	13,459.04	(0.07)
943	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/12/2020	1,095,036,399,753	1,346,908,240	13,469.08	1.74
944	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/12/2020	1,076,348,223,053	1,323,921,553	13,239.21	3.66
945	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/12/2020	1,038,354,239,943	1,277,188,487	12,771.88	(0.59)
946	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/12/2020	967,457,892,000	1,284,804,637	12,848.04	3.25
947	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/12/2020	937,024,825,731	1,244,388,878	12,443.88	(1.09)
948	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/12/2020	947,314,858,552	1,258,054,261	12,580.54	1.85
949	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/12/2020	930,111,499,312	1,235,207,834	12,352.07	1.38
950	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/12/2020	917,453,632,319	1,218,397,918	12,183.97	(1.23)
951	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/12/2020	941,253,313,186	1,233,621,642	12,336.21	1.35
952	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/12/2020	928,676,976,506	1,217,138,894	12,171.38	0.85
953	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/12/2020	920,828,959,174	1,206,853,157	12,068.53	0.71
954	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/12/2020	926,313,674,517	1,198,335,930	11,983.35	(0.52)
955	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/12/2020	957,673,196,661	1,204,620,373	12,046.20	0.23
956	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/12/2020	955,470,124,600	1,201,849,213	12,018.49	0.72

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
957	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/12/2020	972,478,640,189	1,193,225,325	11,932.25	2.05
958	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/11/2020	952,922,198,818	1,169,229,691	11,692.29	0.15
959	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/11/2020	963,147,094,617	1,167,451,023	11,674.51	0.78
960	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/11/2020	955,672,169,829	1,158,390,508	11,583.90	1.08
961	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/11/2020	945,449,103,948	1,145,998,913	11,459.98	0.85
962	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/11/2020	937,507,437,881	1,136,372,651	11,363.72	0.19
963	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/11/2020	935,771,110,599	1,134,268,012	11,342.68	0.21
964	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/11/2020	933,838,896,542	1,131,925,935	11,319.25	0.21
965	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/11/2020	931,874,307,446	1,129,544,615	11,295.44	0.92
966	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/11/2020	923,381,303,560	1,119,250,064	11,192.50	0.44
967	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/11/2020	922,694,497,926	1,114,365,335	11,143.65	2.23
968	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/11/2020	902,608,000,626	1,090,106,280	10,901.06	(1.11)
969	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/11/2020	912,702,751,050	1,102,298,008	11,022.98	2.14
970	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/11/2020	893,567,557,096	1,079,187,870	10,791.87	1.28
971	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/11/2020	882,266,717,718	1,065,539,514	10,655.39	0.01

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
972	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/11/2020	882,195,136,206	1,065,453,063	10,654.53	(0.48)
973	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/11/2020	886,407,518,919	1,070,540,481	10,705.40	1.60
974	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/11/2020	872,478,287,539	1,053,717,738	10,537.17	(0.54)
975	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/11/2020	877,183,783,113	1,059,400,704	10,594.00	(1.13)
976	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/11/2020	887,230,589,172	1,071,534,527	10,715.34	0.94
977	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/11/2020	878,933,125,257	1,061,513,436	10,615.13	0.65
978	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/11/2020	873,285,555,302	1,054,692,699	10,546.92	1.82
979	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/11/2020	857,690,985,099	1,035,858,677	10,358.58	-
980	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/10/2020	857,712,217,696	1,035,884,320	10,358.84	(0.30)
981	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/10/2020	860,329,771,303	1,039,045,617	10,390.45	(0.16)
982	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/10/2020	861,693,400,936	1,040,692,513	10,406.92	(3.03)
983	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/10/2020	887,572,478,743	1,073,243,626	10,732.43	(1.14)
984	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/10/2020	897,806,367,593	1,085,618,340	10,856.18	(3.10)
985	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/10/2020	926,484,619,603	1,120,295,791	11,202.95	0.14
986	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/10/2020	925,159,603,154	1,118,693,595	11,186.93	1.44

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
987	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/10/2020	912,036,276,160	1,102,825,001	11,028.25	(0.78)
988	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/10/2020	919,203,003,110	1,111,490,934	11,114.90	1.41
989	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/10/2020	906,401,777,522	1,096,011,822	10,960.11	1.18
990	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/10/2020	895,789,080,534	1,083,179,057	10,831.79	0.87
991	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/10/2020	888,024,528,783	1,073,790,240	10,737.90	0.46
992	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/10/2020	883,958,997,273	1,068,874,240	10,688.74	1.68
993	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/10/2020	869,391,079,097	1,051,258,862	10,512.58	1.73
994	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/10/2020	859,294,873,283	1,040,308,563	10,403.08	0.67
995	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/10/2020	853,576,376,015	1,033,385,443	10,333.85	0.19
996	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/10/2020	851,993,620,700	1,031,469,274	10,314.69	(0.61)
997	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/10/2020	857,221,009,472	1,037,797,832	10,377.97	(1.26)
998	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/10/2020	868,173,403,506	1,051,057,389	10,510.57	0.29
999	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/10/2020	858,316,886,485	1,048,005,966	10,480.05	1.30
1000	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/10/2020	847,290,822,669	1,034,543,129	10,345.43	(0.69)
1001	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/10/2020	853,153,166,389	1,041,701,057	10,417.01	0.85

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1002	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/09/2020	845,924,155,023	1,032,874,426	10,328.74	0.48
1003	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/09/2020	826,490,889,149	1,027,973,742	10,279.73	(1.59)
1004	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/09/2020	839,883,185,288	1,044,630,827	10,446.30	2.08
1005	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/09/2020	812,569,048,192	1,023,386,710	10,233.86	0.70
1006	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/09/2020	796,793,560,586	1,016,318,317	10,163.18	(0.03)
1007	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/09/2020	771,628,474,714	1,016,638,306	10,166.38	0.90
1008	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/09/2020	739,545,537,164	1,007,555,227	10,075.55	1.15
1009	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/09/2020	731,169,022,219	996,143,082	9,961.43	0.97
1010	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/09/2020	724,159,942,355	986,593,926	9,865.93	1.82
1011	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/09/2020	711,221,499,975	968,966,621	9,689.66	(0.31)
1012	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/09/2020	713,432,293,537	971,978,601	9,719.78	(0.09)
1013	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/09/2020	714,081,115,651	972,862,555	9,728.62	(0.27)
1014	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/09/2020	716,007,389,640	975,486,906	9,754.86	0.92
1015	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/09/2020	728,812,348,809	966,594,627	9,665.94	0.34
1016	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/09/2020	750,392,512,399	963,276,652	9,632.76	0.11

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1017	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/09/2020	773,620,711,773	962,214,815	9,622.14	(0.56)
1018	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/09/2020	778,007,833,830	967,671,435	9,676.71	0.90
1019	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/09/2020	771,044,461,373	959,010,524	9,590.10	(2.50)
1020	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/09/2020	790,849,619,291	983,643,805	9,836.43	(0.70)
1021	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/09/2020	796,416,664,290	990,567,990	9,905.67	1.38
1022	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/09/2020	785,547,370,532	977,048,968	9,770.48	0.89
1023	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/08/2020	778,623,885,349	968,437,668	9,684.37	(0.18)
1024	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/08/2020	780,034,206,057	970,191,798	9,701.91	1.06
1025	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/08/2020	771,828,751,666	959,986,009	9,599.86	0.26
1026	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/08/2020	769,842,801,835	957,515,922	9,575.15	(0.44)
1027	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/08/2020	773,245,429,553	961,748,046	9,617.48	0.46
1028	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/08/2020	769,675,769,422	957,308,170	9,573.08	2.55
1029	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/08/2020	750,537,694,914	933,504,595	9,335.04	2.05
1030	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/08/2020	735,442,335,735	914,729,273	9,147.29	(0.44)
1031	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/08/2020	738,691,271,962	918,770,238	9,187.70	0.44

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1032	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/08/2020	735,426,842,219	914,710,002	9,147.10	(0.33)
1033	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/08/2020	737,886,077,875	917,768,753	9,177.68	0.13
1034	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/08/2020	736,909,919,049	916,554,625	9,165.54	(0.51)
1035	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/08/2020	740,717,047,684	921,289,860	9,212.89	0.82
1036	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/08/2020	734,688,134,496	913,791,212	9,137.91	0.92
1037	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/08/2020	728,003,592,493	905,477,105	9,054.77	0.65
1038	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/08/2020	723,277,718,392	899,599,152	8,995.99	0.51
1039	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/08/2020	719,582,174,251	895,002,704	8,950.02	0.02
1040	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/08/2020	719,437,009,831	894,822,151	8,948.22	(0.71)
1041	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/08/2020	724,580,245,493	901,219,210	9,012.19	1.91
1042	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/08/2020	710,982,944,714	884,307,145	8,843.07	1.65
1043	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/08/2020	699,427,849,214	869,935,135	8,699.35	2.74
1044	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/08/2020	680,791,531,837	846,755,636	8,467.55	-
1045	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/07/2020	680,825,565,044	846,797,966	8,467.97	(1.14)
1046	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/07/2020	688,663,685,439	856,546,872	8,565.46	1.18

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1047	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/07/2020	680,642,135,988	846,569,820	8,465.69	(2.67)
1048	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/07/2020	699,281,035,954	869,752,532	8,697.52	3.84
1049	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/07/2020	673,410,012,409	837,574,642	8,375.74	(6.45)
1050	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/07/2020	692,089,428,079	895,329,143	8,953.29	(3.88)
1051	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/07/2020	694,899,720,322	931,500,965	9,315.00	-
1052	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/07/2020	669,748,877,366	931,500,524	9,315.00	(1.14)
1053	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/07/2020	652,003,315,005	942,201,322	9,422.01	0.14
1054	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/07/2020	651,106,454,736	940,905,281	9,409.05	(1.13)
1055	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/07/2020	658,546,423,246	951,656,680	9,516.56	(0.23)
1056	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/07/2020	660,054,721,460	953,836,302	9,538.36	0.72
1057	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/07/2020	655,316,336,112	946,988,925	9,469.88	0.80
1058	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/07/2020	649,516,819,055	938,608,120	9,386.08	(0.09)
1059	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/07/2020	650,106,848,271	939,460,763	9,394.60	(0.35)
1060	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/07/2020	652,357,591,815	942,713,282	9,427.13	(1.38)
1061	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/07/2020	661,498,622,593	955,922,865	9,559.22	2.59

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1062	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/07/2020	644,811,816,803	931,808,983	9,318.08	0.16
1063	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/07/2020	643,806,948,289	930,356,861	9,303.56	0.19
1064	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/07/2020	640,738,903,608	928,607,106	9,286.07	1.99
1065	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/07/2020	628,216,770,660	910,459,087	9,104.59	0.42
1066	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/07/2020	625,602,208,515	906,669,867	9,066.69	(0.31)
1067	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/07/2020	627,526,873,396	909,459,236	9,094.59	2.67
1068	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/06/2020	611,230,016,735	885,840,603	8,858.40	(1.34)
1069	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/06/2020	619,525,127,097	897,862,503	8,978.62	(2.99)
1070	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/06/2020	638,617,538,889	925,532,665	9,255.32	(0.36)
1071	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/06/2020	640,904,508,682	928,847,114	9,288.47	(0.85)
1072	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/06/2020	646,432,003,037	936,857,975	9,368.57	(1.33)
1073	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/06/2020	656,089,737,241	949,478,635	9,494.78	(0.16)
1074	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/06/2020	647,647,281,879	951,023,908	9,510.23	(0.08)
1075	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/06/2020	648,189,200,568	951,819,677	9,518.19	1.70
1076	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/06/2020	637,328,130,782	935,870,970	9,358.70	(0.27)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1077	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/06/2020	637,204,640,386	938,445,714	9,384.45	(0.69)
1078	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/06/2020	528,214,905,985	944,928,275	9,449.28	2.02
1079	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/06/2020	517,759,255,725	926,224,071	9,262.24	(3.42)
1080	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/06/2020	536,114,999,193	959,060,821	9,590.60	0.76
1081	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/06/2020	532,093,854,064	951,867,359	9,518.67	(4.40)
1082	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/06/2020	556,555,926,228	995,627,775	9,956.27	1.52
1083	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/06/2020	548,219,314,916	980,714,337	9,807.14	(0.49)
1084	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/06/2020	541,048,949,000	985,517,211	9,855.17	0.93
1085	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/06/2020	509,703,116,846	976,442,752	9,764.42	0.17
1086	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/06/2020	508,814,971,469	974,741,324	9,747.41	0.14
1087	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/06/2020	507,116,365,287	973,351,948	9,733.51	1.72
1088	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/06/2020	451,667,743,958	956,923,186	9,569.23	(0.11)
1089	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/06/2020	452,157,767,538	957,961,371	9,579.61	3.43
1090	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/05/2020	437,149,431,368	926,164,049	9,261.64	0.20
1091	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/05/2020	436,272,053,545	924,305,198	9,243.05	0.63

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1092	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/05/2020	433,541,276,038	918,519,652	9,185.19	(2.18)
1093	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/05/2020	443,189,260,122	938,960,296	9,389.60	1.22
1094	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/05/2020	386,810,394,175	927,602,863	9,276.02	0.30
1095	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/05/2020	349,587,694,821	924,835,171	9,248.35	(2.20)
1096	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/05/2020	357,440,414,605	945,609,562	9,456.09	2.62
1097	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/05/2020	323,446,790,795	921,500,828	9,215.00	(0.01)
1098	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/05/2020	273,712,588,848	921,591,208	9,215.91	1.85
1099	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/05/2020	268,734,153,987	904,828,801	9,048.28	2.19
1100	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/05/2020	262,965,288,890	885,405,013	8,854.05	(1.04)
1101	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/05/2020	265,717,265,915	894,670,929	8,946.70	(0.63)
1102	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/05/2020	267,402,175,705	900,344,025	9,003.44	0.75
1103	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/05/2020	265,402,893,927	893,612,437	8,936.12	1.17
1104	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/05/2020	262,342,086,203	883,306,687	8,833.06	2.95
1105	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/05/2020	229,075,675,166	857,961,330	8,579.61	4.14
1106	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/05/2020	219,962,469,095	823,829,472	8,238.29	1.79

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1107	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/05/2020	216,092,038,431	809,333,477	8,093.33	1.27
1108	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/05/2020	213,374,721,326	799,156,259	7,991.56	(0.09)
1109	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/05/2020	213,556,400,839	799,836,707	7,998.36	(0.31)
1110	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/05/2020	214,210,478,804	802,286,437	8,022.86	(0.01)
1111	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/04/2020	214,231,257,498	802,364,260	8,023.64	0.58
1112	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	28/04/2020	212,997,394,106	797,743,049	7,977.43	0.24
1113	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/04/2020	212,482,839,756	795,815,879	7,958.15	(0.82)
1114	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/04/2020	214,236,711,679	802,384,687	8,023.84	0.41
1115	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/04/2020	213,355,163,841	799,083,010	7,990.83	(0.36)
1116	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/04/2020	214,129,772,182	801,984,165	8,019.84	1.66
1117	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	21/04/2020	210,624,304,195	788,855,071	7,888.55	(4.85)
1118	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	20/04/2020	221,370,523,749	829,103,085	8,291.03	(0.99)
1119	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/04/2020	223,590,079,976	837,416,029	8,374.16	0.82
1120	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/04/2020	221,779,465,843	830,634,703	8,306.34	0.31
1121	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/04/2020	221,083,849,093	828,029,397	8,280.29	2.60

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1122	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	14/04/2020	215,478,997,824	807,037,445	8,070.37	0.91
1123	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	13/04/2020	213,538,698,347	799,770,405	7,997.70	1.97
1124	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/04/2020	209,417,602,253	784,335,588	7,843.35	(1.30)
1125	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/04/2020	212,179,105,039	794,678,296	7,946.78	0.98
1126	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/04/2020	210,123,922,737	786,980,984	7,869.80	(1.01)
1127	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	07/04/2020	212,265,091,519	795,000,342	7,950.00	1.23
1128	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	06/04/2020	209,681,321,012	785,323,299	7,853.23	5.95
1129	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/04/2020	197,914,584,827	741,253,126	7,412.53	2.87
1130	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/04/2020	192,399,687,637	720,598,081	7,205.98	4.57
1131	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	31/03/2020	183,983,094,205	689,075,259	6,890.75	(1.75)
1132	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	30/03/2020	187,259,810,547	701,347,605	7,013.47	(6.03)
1133	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	29/03/2020	195,537,674,291	746,327,001	7,463.27	(1.56)
1134	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/03/2020	198,639,768,553	758,167,055	7,581.67	(2.52)
1135	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	25/03/2020	203,784,706,130	777,804,221	7,778.04	4.62
1136	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/03/2020	194,780,037,766	743,435,258	7,434.35	(0.69)

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1137	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	23/03/2020	196,130,594,145	748,590,053	7,485.90	(6.50)
1138	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	22/03/2020	209,755,352,360	800,592,947	8,005.92	(0.70)
1139	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	19/03/2020	211,240,150,597	806,260,116	8,062.60	(3.30)
1140	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	18/03/2020	218,459,035,854	833,813,113	8,338.13	0.11
1141	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	17/03/2020	218,229,792,207	832,938,138	8,329.38	1.68
1142	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	16/03/2020	214,614,834,216	819,140,588	8,191.40	(5.04)
1143	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	15/03/2020	226,003,875,024	862,610,210	8,626.10	0.43
1144	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	12/03/2020	225,028,365,880	858,886,892	8,588.86	(6.45)
1145	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	11/03/2020	240,548,055,415	918,122,348	9,181.22	(5.53)
1146	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/03/2020	254,617,521,010	971,822,599	9,718.22	0.45
1147	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	09/03/2020	253,486,666,276	967,506,359	9,675.06	(6.62)
1148	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	08/03/2020	271,463,873,659	1,036,121,655	10,361.21	(0.28)
1149	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	05/03/2020	272,218,990,343	1,039,003,779	10,390.03	0.10
1150	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	04/03/2020	271,937,714,236	1,037,930,207	10,379.30	0.21
1151	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	03/03/2020	271,368,831,391	1,035,758,898	10,357.58	0.66

STT	Tên Quỹ	NAV tại ngày	NAV của Quỹ (VND)	NAV trên một lô đơn vị quỹ (VND)	NAV trên một đơn vị quỹ (VND)	Tăng/giảm (%)
1152	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	02/03/2020	269,595,277,206	1,021,611,560	10,289.89	0.72
1153	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	01/03/2020	267,662,228,741	1,021,611,560	10,216.11	(2.17)
1154	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	27/02/2020	273,612,072,083	1,044,320,885	10,443.20	1.07
1155	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	26/02/2020	270,702,896,719	1,033,217,163	10,332.17	3.32
1156	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	24/02/2020	262,000,000,000	0	10,000.00	-
1157	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD	10/01/2020	262,000,000,000	0	10,000.00	-